

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP BIẾN ĐỘNG TRONG NĂM THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI VÀ KỶ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

Phụ lục IV:

(Đến ngày 31/12/2024)

Xã Phước Giang,, Tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định						Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã			
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
98	98	Ông Nguyễn Văn Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	439	HNK	ONT	CNV	CNV	59	4075	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
320	320	Ông Phạm Tám	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2917	HNK	ONT	CNV	CNV	328	6505	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
88	88	Ông Nguyễn Ngọc Bốn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	100	HNK	ONT	CNV	CNV	748	6705	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	56	DTL	ONT	TCQ	TSN	1190	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	175	DGT	ONT	TCQ	TSN	2087	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	25	DGT	ONT	TCQ	TSN	2087	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	95	DTL	ONT	TCQ	TSN	1190	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
607	607	Phạm Thị Hạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	38	LUC	ONT	CNV	TSN	1434	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
608	608	Trương Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	336	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
609	609	Lê Thị Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	181	LUC	ONT	CNV	TSN	1434	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
648	648	Đặng Văn Hy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	717	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
649	649	Bùi Quang Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	388	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định								Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã	
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
650	650	Nguyễn Thị Diệu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	799	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
658	658	Nguyễn Văn Tại	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	473	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
659	659	Nguyễn Cang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	331	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
660	660	Nguyễn Thị Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	375	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
661	661	Lê Văn Phàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	460	LUC	ONT	CNV	TSN	1439	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
708	708	Nguyễn Thị Lang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	884	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
709	709	Lê Văn Chiêu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	454	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
710	710	Trương Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	724	LUC	ONT	CNV	TSN	1436	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
1368	1368	Lê Văn Phàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	215	LUC	ONT	CNV	TSN	1439	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
1373	1373	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	311	LUC	ONT	TCQ	TSN	1439	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
1373	1373	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	32	LUC	ONT	TCQ	TSN	1441	7019	Thực hiện dự án Khu dân cư Thầy Ba, thôn Kim Thành Thượng, xã Hành Nhân
1497	1497	Ông Phạm Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	119	HNK	ONT	CNV	CNV	748	7196	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
114	114	Ông Đoàn Khắc Lương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1558	HNK	ONT	CNV	CNV	822	7661	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
1	1	Nguyễn Văn Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7	LUC	CGT	CNV	TSN	595	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
5	5	Trần Thị Xuyên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	558	HNK	CGT	CNV	TSN	45	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
6	6	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	718	HNK	CGT	TCQ	TSN	46	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
7	7	Trần Thị Nguyệt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	99	HNK	CGT	CNV	TSN	45	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
8	8	Nguyễn Đăng Việt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	688	HNK	CGT	CNV	TSN	45	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
10	10	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	67	HNK	CGT	TCQ	TSN	55	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
11	11	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	233	HNK	CGT	TCQ	TSN	55	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
19	19	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	79	LUC	CGT	TCQ	TSN	55	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
20	20	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	8	LUC	CGT	TCQ	TSN	54	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
21	21	Trần Cao Nghiệp (chết), Con trai Trần Cao Nghị	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	203	LUC	CGT	CNV	TSN	54	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
33	33	Lưu Ngọc Thạch	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	243	LUC	CGT	CNV	TSN	54	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
34	34	Đoàn Khắc Lương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	171	LUC	CGT	CNV	TSN	54	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
35	35	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	102	LUC	CGT	TCQ	TSN	54	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
36	36	Trần Cao Nghiệp (chết), Con trai Trần Cao Nghị	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	225	LUC	CGT	CNV	TSN	54	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
37	37	Nguyễn Đăng Niêm (chết), vợ Nguyễn Thị Vỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2	LUC	CGT	CNV	TSN	54	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
49	49	Lê Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	133	ONT	CGT	CNV	TSN	592	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
50	50	Lê Thị Tuyết Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	89	ONT	CGT	CNV	TSN	595	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
51	51	Bùi Văn Nghi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	120	LUC	CGT	CNV	TSN	224	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
63	63	Nguyễn Đăng Phong	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	20	LUC	CGT	CNV	TSN	262	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
300	300	Nguyễn Thị Nhàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	100	LUC	CGT	CNV	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
351	351	Nguyễn Văn Thu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39	LUC	CGT	CNV	TSN	221	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
416	416	Trần Cao Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	394	LUC	CGT	CNV	TSN	216	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
490	490	Võ Thị Tư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	246	LUC	CGT	CNV	TSN	219	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
491	491	Trần Thị Xuyên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	217	LUC	CGT	CNV	TSN	219	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
538	538	Trần Văn Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	212	LUC	CGT	CNV	TSN	219	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
539	539	Đoàn Phú Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	139	LUC	CGT	CNV	TSN	262	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
582	582	Lưu Văn Hiệp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	33	LUC	CGT	CNV	TSN	262	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
583	583	Nguyễn Đăng Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	96	LUC	CGT	CNV	TSN	262	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
585	585	Trần Lê	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	339	LUC	CGT	CNV	TSN	262	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	361	SON	CGT	TCQ	TSN	414	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	65	DGT	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17	DGT	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
628	628	Bùi Đình Nhung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	429	LUC	CGT	CNV	TSN	262	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
631	631	Đình Thị Uyển	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	22	LUC	CGT	CNV	TSN	263	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
684	684	Đình Tơ (Chết), vợ Tạ Thị Hồng Nhan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	328	LUC	CGT	CNV	TSN	263	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
685	685	Đoàn Phú Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5	LUC	CGT	CNV	TSN	262	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
724	724	Đình Quốc Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	44	HNK	CGT	CNV	TSN	368	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
726	726	Lê Bá Trờ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	110	ONT	CGT	CNV	TSN	592	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
726	726	Đình Quốc Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	467	LUC	CGT	CNV	TSN	360	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
727	727	Nguyễn Văn Cảnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	32	ONT	CGT	CNV	TSN	592	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
727	727	Nguyễn Văn Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	148	LUC	CGT	CNV	TSN	360	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	50	DTL	CGT	TCQ	TSN	488	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	249	DGT	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
774	774	Nguyễn Thị Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	221	LUC	CGT	CNV	TSN	364	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
775	775	Ngô Đình Thuận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	244	LUC	CGT	CNV	TSN	364	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
879	879	Lê Thành Được	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	538	LUC	CGT	CNV	TSN	361	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
880	880	Trần Lực	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4	LUC	CGT	CNV	TSN	361	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
936	936	Đình Thị Châu (chết) con Nguyễn Thị Trí	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	10	LUC	CGT	CNV	TSN	362	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
937	937	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	401	LUC	CGT	TCQ	TSN	362	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
938	938	Nguyễn Thị Thôn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	94	LUC	CGT	CNV	TSN	362	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
994	994	Tiêu Thị Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	95	LUC	CGT	CNV	TSN	486	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
995	995	Ngô Hồng Long (chết), con trai: Ngô Hồng Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	450	LUC	CGT	CNV	TSN	486	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
1041	1041	Trịnh Quang (chết), con trai: Trịnh Ngọc Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	87	LUC	CGT	CNV	TSN	486	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
1090	1090	Ngô Đình Tui	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	291	LUC	CGT	CNV	TSN	487	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
1094	1094	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	88	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	
1101	1101	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	212	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1102	1102	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1148	1148	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	36	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1149	1149	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	63	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1150	1150	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	144	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1160	1160	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	51	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1161	1161	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	114	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1162	1162	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	94	LUC	CGT	TCQ	TSN	593	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1207	1207	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	312	LUC	CGT	TCQ	TSN	595	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1208	1208	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	244	LUC	CGT	TCQ	TSN	595	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1220	1220	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	8	LUC	CGT	TCQ	TSN	595	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
1283	1283	Trần Văn Lòi (chết), vợ Nguyễn Thị Trinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3	LUC	CGT	CNV	TSN	486	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1284	1284	Ngô Hồng Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	400	LUC	CGT	CNV	TSN	486	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	35	DGT	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	136	DTL	CGT	TCQ	TSN	359	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	38	DTL	CGT	TCQ	TSN	488	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	38	DTL	CGT	TCQ	TSN	488	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39	DGT	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	117	DGT	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	41	DTL	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	185	DGT	CGT	TCQ	TSN	442	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	16	DTL	CGT	TCQ	TSN	488	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	35	DTL	CGT	TCQ	TSN	488	3688	Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Cầu Hành Dũng - Hành Nhân

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định						Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã			
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
279	279	Ông Phan Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1447	HNK	ONT	CNV	CNV	1217	8389	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
92	92	Bà Trương Thị Nè	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	675	HNK	ONT	CNV	CNV	1245	8597	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
58	58	Bà Phan Thị Lệ Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1669	HNK	ONT	CNV	CNV	59	4698	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
235	235	Bà Phạm Thị Thuỳ Uyên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1507	HNK	ONT	CNV	CNV	59	3854	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
1496	1496	Bà Nguyễn Thị Thuỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	125	HNK	ONT	CNV	CNV	145	5622	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
122	122	Bà Nguyễn Thị Hoa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2398	HNK	ONT	CNV	CNV	145	5945	Thay đổi mã loại đất do thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
30	30	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.9	NTD	CGT	TCN	TSQ	95	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
52	52	Trần Văn Tư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	384.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
54	54	Huỳnh Tường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	253	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
56	56	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6	NTD	CGT	TCN	TSQ	94	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
57	57	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	363.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
66	66	Huỳnh Tấn Vinh (chết) - Vợ Nguyễn Thị Phụng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	435.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
71	71	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	107.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
82	82	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	171.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
90	90	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	79.2	NTD	CGT	TCN	TSQ	187	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
109	109	Lê Đồng (chết), vợ Lê Thị Thu kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	380.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	766	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
136	136	Lê Hồng Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	367.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	761	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
137	137	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	186.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	761	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
138	138	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	181.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	171.2	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	429.6	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	359.6	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	409	DGT	CGT	TCQ	TSQ	766	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
162	162	Nguyễn Công Chi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	472.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1644	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
197	197	Lưu Thị Hoà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	588.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
229	229	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	106.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
314	314	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	82.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	323	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
319	319	Nguyễn Duy Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	105.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
344	344	Võ Thị Lý	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	145.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2193	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
359	359	Nguyễn Văn Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
362	362	Hồ Minh Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	335	HNK	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
365	365	Hồ Xuân Linh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	405.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	448	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
395	395	Nguyễn Cho	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	8.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
411	411	Nguyễn Văn Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	544.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
478	478	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	101.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
503	503	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	323	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
606	606	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	696.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	448	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
639	639	Trần Văn Hoai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1375.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
675	675	Đặng Thị Bón	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1303.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
717	717	Bùi Đình Lãnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1134.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
742	742	Lưu Thị Hoà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	86.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	323	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
361	361	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39.9	NTD	CGT	TCN	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
390	390	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	123.6	NTD	CGT	TCN	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
461	461	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	309	BCS	CGT	TCQ	TSQ	1966	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
621	621	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	102.1	DGT	CGT	TCQ	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
827	827	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	114.7	DGT	CGT	TCQ	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	270.8	DTL	CGT	TCQ	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6.2	DTL	CGT	TCQ	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	808.7	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	29.1	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	721.2	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1091.9	DGT	CGT	TCQ	TSQ	204	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
31	31	Trần Văn Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	527.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
35	35	Trần Văn Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	680.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
58	58	Nguyễn Hữu Nghiệp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	837.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
200	200	Trần Ngọc Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	217.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1045	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
204	204	Trần Rân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
542	542	Bùi Hữu Tiền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	204	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
41	41	Hồ Trung Đức	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	97.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1651	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
53	53	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	743.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	204	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
65	65	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	425.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
69	69	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	337.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	204	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
80	80	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	292	HNK	CGT	CNV	TSQ	202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
87	87	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	136.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	197	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
89	89	Lê Ninh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	423.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	188	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
97	97	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	739.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1649	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
106	106	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	88.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
107	107	Nguyễn Thị Mai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	211.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
110	110	Hồ Trung Đức	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	423.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	765	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
436	436	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	524.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
203	203	Nguyễn Văn Giáo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	280	HNK	CGT	CNV	TSQ	1905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
230	230	Hồ Trung Đức	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	209.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	1989	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
388	388	Phạm Thị Mân (chết) -Cháu nội Nguyễn Hoàng đại diện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	355.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
393	393	Nguyễn Văn Trạch	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	426.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
445	445	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	36.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
491	491	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	537.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	243	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
516	516	Bùi Đình Hiếu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1086.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
544	544	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	599.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
55	55	Nguyễn Thị Ngải	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	286.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
72	72	Hồ Đây	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	447	HNK	CGT	CNV	TSQ	195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
81	81	Nguyễn Mạnh Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	402.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	196	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
114	114	Trần Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
394	394	Võ Thị Chi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	568.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	243	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
506	506	Bùi Đình Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	757	HNK	CGT	CNV	TSQ	243	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
607	607	Bùi Đình Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	421.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
38	38	Nguyễn Thị Thìn (chết) - Con gái Phạm Thị Thanh Túy - đại diện kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	182.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
49	49	Lê Thị Em (chết) - Nguyễn Thị Kim Chung - Người được thừa kế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	134.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
50	50	Lê Thị Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	675.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
63	63	Ngô Thị Huỳnh (chết) - Người thừa kế ông Nguyễn Mưu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	75	HNK	CGT	CNV	TSQ	559	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
67	67	Lê Thị Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	239.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	201	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
88	88	Hồ Văn Lãnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	372.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	188	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
111	111	Lê Sen (chết) - Ông Lê Hồng Sinh - Người được thừa kế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	360	HNK	CGT	CNV	TSQ	1641	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
437	437	Lưu Khoan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	513.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
149	149	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	279.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
343	343	Lưu Khoan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	490.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
410	410	Lê Sen (chết)- Lê Hồng Sinh kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	601.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
418	418	Lê Thương (chết) - Vợ Bùi Thị Huyền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	592.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
564	564	Bùi Thị Kim Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	35	LUC	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
623	623	Bùi Đình Tánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	256.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
761	761	Bùi Thị Kim Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	553.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	91.3	DGT	CGT	TCQ	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.1	DGT	CGT	TCQ	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
33	33	Huỳnh Lâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	250.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	555	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
34	34	Hồ Văn Đoan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	183.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	554	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
37	37	Nguyễn Thị Như	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	460.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
48	48	Nguyễn Thị Nhung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	34.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	99	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
68	68	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	298.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
78	78	Nguyễn Văn Đồng (chết) - Con Nguyễn Văn Trinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	527.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
108	108	Đồng Thị Khai - Đồng Quang Dũng - Người được ủy quyền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	399.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	191	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
112	112	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	493.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1644	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
113	113	Lương Giáp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	345	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
133	133	Võ Huệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	358	HNK	CGT	CNV	TSQ	1644	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
134	134	Nguyễn Văn Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	257.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
135	135	Hồ Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	408.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
139	139	Nguyễn Văn Súng (chết) - Con Nguyễn Văn Trường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	89.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1644	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
150	150	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	62.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
149	149	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	22.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1644	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
201	201	Lê Thị Nghi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	375.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1900	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
311	311	Nguyễn Lương (chết) - Con Nguyễn Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	92.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	322	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
312	312	Nguyễn Lộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	173.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	326	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
313	313	Nguyễn Văn Trạch	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	542.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1049	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
317	317	Nguyễn Nguy Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1542.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1351	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
320	320	Nguyễn Văn Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	20.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
337	337	Lê Thị Nghi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	301.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	452	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
338	338	Ngô Thị Tam (chết) - Con Phạm Văn Thông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	9.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
342	342	Lưu Phi (chết) - Con dâu Nguyễn Thị Hạnh đại diện kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	926	HNK	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
363	363	Lương Giáp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	389.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	443	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
372	372	Nguyễn Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1033.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	447	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
406	406	Nguyễn Lộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	19.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
408	408	Lương Giáp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	270.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
409	409	Lê Thị Nghi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	423.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
431	431	Nguyễn Lý	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	28.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	562	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
460	460	Nguyễn Lý	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	306	HNK	CGT	CNV	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
505	505	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	73.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
674	674	Nguyễn Thị Năm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	293.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
690	690	Nguyễn Duy Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	592.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
721	721	Nguyễn Văn Trang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	367.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	452	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
316	316	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1006.4	NTD	CGT	TCN	TSQ	1970	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
51	51	Lê Thị Bích Thủy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	581.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
64	64	Võ Thị Phụng (chết) - Con Võ Thị Tâm kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	513.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	564	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
79	79	Lưu Văn Tâm (chết) - Vợ Đỗ Thị Tứ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	468.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	188	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
318	318	Bùi Thị Tiến	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1121.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1354	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
373	373	Nguyễn Công Sang (chết) Lê Thị Hoa vợ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	228.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	445	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
419	419	Lê Thị Hóa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	668	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
420	420	Nguyễn Văn Được	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	154.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
504	504	Bùi Thị Bích Lượng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
582	582	Nguyễn Minh Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	423.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
583	583	Nguyễn Bé	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	445.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1211	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
608	608	Nguyễn Bé	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	531.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
622	622	Nguyễn Minh Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	9.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
624	624	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	387.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
656	656	Nguyễn Bé	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	418.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1211	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
96	96	Nguyễn Kỳ (chết) ; con Nguyễn Ngọc kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	430.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	189	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
285	285	Nguyễn Thị Thảo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	373.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	279	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
689	689	Nguyễn Ứng (chết) - Con Nguyễn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	565.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
315	315	Lưu Thị Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	1967	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
364	364	Lưu Thị Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	170.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
741	741	Lưu Thị Đường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	134.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
11	11	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	63.1	CLN	CGT	CNV	TSQ	1651	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
202	202	Trần Truyền (chết) - Con trai Trần Chương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	395.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
806	806	Bùi Đình Huỳnh (chết) - vợ Bùi Thị Liêm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2957.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1020	1020	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	23.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
360	360	Nguyễn Mãn (chết) - Con Nguyễn Văn Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	200	HNK	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
360	360	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	230.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
36	36	Từ Thị Liễu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	461	HNK	CGT	CNV	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
271	271	Nguyễn Hùng và Nguyễn Thị Ích	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	14.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	1218	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
272	272	Nguyễn Duy Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	51.8	ONT	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
458	458	Võ Thị Liên (chết) - Bùi Đình Thanh kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	99.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
507	507	Ngô Minh Khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.8	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
640	640	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
751	751	Bùi Đình Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	19.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
770	770	Nguyễn Duy Côi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	14.2	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
824	824	Nguyễn Tèo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	218.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	10.2	CLN	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
18	18	Ngô Thị Thanh (chết), Nguyễn Văn Đông kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	642.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	96	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
275	275	Trần Thiện Khiêm và Từ Thị Minh Trâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	178	ONT	CGT	CNV	TSQ	1052	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
276	276	Bùi Thị Thê	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	172.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	279	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
277	277	Trịnh Ngọc Nhân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	ONT	CGT	CNV	TSQ	279	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
281	281	Nguyễn Văn Trạch và Nguyễn Thị Trí	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	149.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	1973	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
389	389	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.9	NTD	CGT	TCN	TSQ	1493	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
389	389	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.6	NTD	CGT	TCN	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
389	389	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.6	NTD	CGT	TCN	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
389	389	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.7	NTD	CGT	TCN	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
769	769	Nguyễn Duy Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	581.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
823	823	Nguyễn Thị Gái	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	167.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
408	408	Lưu Thị Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	546.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
274	274	Nguyễn Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	161.8	ONT	CGT	CNV	TSQ	281	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
278	278	Nguyễn Tấn Loan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	ONT	CGT	CNV	TSQ	1050	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
279	279	Nguyễn Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	ONT	CGT	CNV	TSQ	1979	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
280	280	Nguyễn Tấn Đạo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	164	ONT	CGT	CNV	TSQ	1978	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
283	283	Trần Thị Thanh Thuý	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	160.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	1968	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
425	425	Nguyễn Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1338.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1211	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
430	430	Nguyễn Huân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	809.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1645	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
435	435	Nguyễn Thị Trúc Lâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	95.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
489	489	Lê Văn Bửu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	169.2	CLN	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
490	490	Trần Văn Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	491.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
747	747	Nguyễn Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	171.8	ONT	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
822	822	Nguyễn Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	211.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1897	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
284	284	Bùi Trọng Nhị	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	ONT	CGT	CNV	TSQ	1971	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
282	282	Trương Thời	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	ONT	CGT	CNV	TSQ	279	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
282	282	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	279	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
389	389	Nguyễn Văn Giỏi (chết) - con Nguyễn Văn Tuấn kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	806.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	557	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
424	424	Bùi Đình Hưng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	755.2	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1493	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
518	518	Bùi Đình Văn (chết) - Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm có (bà): Bùi Thị Cường, Bùi Đình Oanh, Bùi Thị Bích Thủy, Bùi Thị Thủy, Bùi Thị Thủy Kiều	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1683.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
805	805	Bùi Đình Huỳnh (chết) - Vợ Bùi Thị Liêm và Những người thuộc hàng thừa kế (bà): Bùi Đình Sứy, Bùi Thị Nhi, Bùi Thị Hòa, Bùi Đình Thái, Bùi Đình Thông, Nguyễn Bích Hưng, Bùi Đình Hưng Nguyễn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	243.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
825	825	Nguyễn Thị Nga (chết) - con Nguyễn Văn Tuấn kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	280	ONT	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
835	835	Nguyễn Đình Luyện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	ONT	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
835	835	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
19	19	Lưu Noi (chết) - Võ Thị Quảng kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	851	CLN	CGT	CNV	TSQ	89	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
479	479	Bùi Thị Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	209.6	CLN	CGT	CNV	TSQ	764	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1019	1019	Trương Thị Lượng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	65.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39.4	SON	CGT	TCQ	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
426	426	Lê Hữu Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	590.1	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1518	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
753	753	Lê Hữu Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	92.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
74	74	Lê Đồng (chết), vợ Lê Thị Thu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	452.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
77	77	Hồ Xuân Linh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	563	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
91	91	Hồ Minh Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	178.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1869.2	SON	CGT	TCQ	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3010.9	SON	CGT	TCQ	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	421	DGT	CGT	TCQ	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
95	95	Nguyễn Thị Vang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	295.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
161	161	Bùi Lờ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	114.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	1905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
199	199	Lê Hồng Sinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	357	HNK	CGT	CNV	TSQ	899	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
723	723	Nguyễn Văn Oanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	434.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
92	92	Lưu Thiện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	253.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
93	93	Trần Thị Lang (chết) - Con Trần Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	189.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
94	94	Lê Văn Nghĩa (chết) - Vợ là Lưu Thị Đợi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	338.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
163	163	Lê Văn Nghĩa (chết) - Vợ là Lưu Thị Đợi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	394.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	2210	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1144.7	DGT	CGT	TCQ	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
198	198	Lưu Thị Đường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	329.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1902	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
825	825	Lê Hồng Sinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	280	CLN	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
826	826	Lê Hồng Sinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	963.3	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
277;278	277;278	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
519	519	Huỳnh Thị Trinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	619	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
532	532	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	411.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
566	566	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.1	NTD	CGT	TCN	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
609	609	Từ Tú	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	98.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
543	543	Tiêu Nhân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	834.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
605	605	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	25.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
565	565	Bùi Thị Diễm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	312.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
567	567	Nguyễn Tấn Màu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	547.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
654	654	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	474.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
676	676	Võ Quang Càng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	61	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
625	625	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1310.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
761	761	Bùi Thị Kim Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	396.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
566	566	Nguyễn Thị Ánh (chết) con Ché Thị Tuyết kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1234.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
626	626	Trần Thị Hường (chết) - Con Bùi Thị Diễm kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	282.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
655	655	Lê Thu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	800.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
545	545	Đỗ Bông (chết)- Đỗ Thị Kim Huệ (con- đại diện kê khai)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1290.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
546	546	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	96.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1044	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
638	638	Tiêu Vinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	16.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
32	32	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.3	NTD	CGT	TCN	TSQ	93	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
33	33	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	16	NTD	CGT	TCN	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
35	35	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	96	DNL	CGT	TKT	TSQ	551	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
62	62	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	43.9	NTD	CGT	TCN	TSQ	552	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
63	63	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	191.5	NTD	CGT	TCN	TSQ	97	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
77	77	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	56.5	NTD	CGT	TCN	TSQ	1044	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
79	79	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.4	NTD	CGT	TCN	TSQ	561	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
114	114	Lê Mạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	577.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	762	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
115	115	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	69.5	BCS	CGT	TCQ	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
153	153	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	16.9	NTD	CGT	TCN	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
187	187	Nguyễn Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	592.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2385	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
212	212	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	101.3	DGT	CGT	TCQ	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
214	214	Phạm Viết Bững (chết) - Vợ Trần Thị Đức	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	34.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	904	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
225	225	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	222.3	NTD	CGT	TCN	TSQ	243	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
256	256	Trần Tấn Cảnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	524.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1056	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
295	295	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	228.6	NTD	CGT	TCN	TSQ	1357	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
296	296	Phạm Viết Văn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	746.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
304	304	Võ Thị Xuân Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	151.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
392	392	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	28.6	NTD	CGT	TCN	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
395	395	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	11.8	NTD	CGT	TCN	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
965	965	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	43.9	NTD	CGT	TCN	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1007	1007	Nguyễn Thị Chung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	713.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1044	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1015	1015	Nguyễn Thị Đường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	203.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định							Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã		
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1020	1020	Phạm Thao	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	479.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1966	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	646.6	DGT	CGT	TCQ	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
263	263	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.5	CLN	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
587	587	Lê Văn Quyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1189	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
774	774	Nguyễn Đức Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1112	LUC	CGT	CNV	TSQ	1966	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
827	827	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	294.5	CLN	CGT	CNV	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
219	219	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	13.2	NTD	CGT	TCN	TSQ	1908	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
356	356	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	45.3	NTD	CGT	TCN	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
374	374	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	149.2	NTD	CGT	TCN	TSQ	548	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
378	378	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	136.7	NTD	CGT	TCN	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
470	470	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	45.8	BCS	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
585	585	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	266.9	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1966	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
979	979	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	328.1	DGT	CGT	TCQ	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
673	673	Nguyễn Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	62.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	1044	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
213	213	Nguyễn Tấn Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1993.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	244	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
224	224	Lê Duy Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	531.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1907	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
268	268	Trần Lê Anh Tố	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	448.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	283	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
297	297	Ngô Thị Vinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	594.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
305	305	Trần Tấn Vấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	910.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
325	325	Phạm Văn Huệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	603	HNK	CGT	CNV	TSQ	1972	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
394	394	Nguyễn Thị Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1048.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1013	1013	Trương Nghi (chết) - Vợ Phạm Thị Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	71	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
552	552	Lê Văn Luyện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	21.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
772	772	Phan Thị Loan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
775	775	Nguyễn Hường (chết) - Vợ Nguyễn Thị Bên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	661.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1344	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
135	135	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	144.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
152	152	Nguyễn Thị Hiền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	432.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
218	218	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2290.6	CLN	CGT	CNV	TSQ	2388	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
515	515	Lê Văn Luỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	730	HNK	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
826	826	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	593.1	CLN	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1214	1214	Võ Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	920.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
172	172	Trần Thành (chết)- vợ Từ Thị Đủ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2	HNK	CGT	CNV	TSQ	2202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
257	257	Đào Thị Thông (chết) - Người được thừa kế ông Nguyễn Trung Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1092.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39.8	DGT	CGT	TCQ	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
171	171	Từ Phước Hải	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	558	HNK	CGT	CNV	TSQ	761	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
171	171	Từ Phước Hải	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	653.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	2202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
514	514	Lê Ngọc Hưng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	158.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
525	525	Bùi Công Lâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1977.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
566	566	Bùi Công Lâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	74.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
752	752	Nguyễn Văn Hạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	185.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
34	34	Lê Ba (chết) - Con Lê Thị Nguyễn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	829.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	90	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
173	173	Từ Văn Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	47.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1046	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
326	326	Huỳnh Văn Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	25.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
360	360	Phạm Quế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	291.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1349	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
396	396	Huỳnh Xuân Lộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	704.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
966	966	Nguyễn Thị Năm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	553.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1014	1014	Phạm Quế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	166.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
169; 188	169; 188	Huỳnh Văn Bốn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	469.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1016; 393	1016; 393	Huỳnh Vân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	962.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
423	423	Lê Mạnh Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	542.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
482	482	Nguyễn Hữu Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	308.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
527	527	Lê Ngọc Hưng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	229	LUC	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
776	776	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	156	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
840	840	Phan Thị Hành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	521.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
888	888	Lê Văn Thủy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	527.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	444	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
421	421	Trương Thảo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1348.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
962	962	Từ Văn Như	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	224.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
963	963	Từ Văn Như	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	698.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
964	964	Từ Văn Du	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	362.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1012	1012	Trương Hiền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1045	1045	Võ Luật Khoa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1602.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1179	1179	Nguyễn Thị Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	21.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
424	424	Võ Văn Nhỏ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	223.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1504	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
526	526	Lê Thị Thanh Ái	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	647	LUC	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
846	846	Nguyễn Tường Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	314.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1496	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
846	846	Lê Bá Tín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	14	HNK	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
12	12	Nguyễn Thị Chức	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1301.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	1496	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
226	226	Tiêu Hận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	138.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2388	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
267	267	Chế Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	33.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
78	78	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	411.2	NTD	CGT	TCN	TSQ	1496	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
358	358	Trương Hoài Tâm (chết) - Vợ Tiêu Thị Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	218.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	449	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1046	1046	Chế Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2312.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	550	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
169	169	Nguyễn Vàng (chết) - vợ Từ Thị Hoa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	658.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	2208	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
422	422	Nguyễn Thanh Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	505.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
412	412	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	272.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
469	469	Đoàn Ngọc An	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	408.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
483	483	Đoàn Thị Vững (chết) - Đặng Thị Hạnh - đại diện kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	641.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
60	60	Bùi Đình Diệu (chết)- Đoàn Thị Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	133.6	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	549	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
61	61	Võ Quang Càng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	286.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	549	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
361	361	Chế Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	328.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
358	358	Nguyễn Văn Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	58.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	452	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
117	117	Bùi Thị Xuân (chết) - con Trần Văn Hoai kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	74	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
154	154	Từ Quế (chết) - con Từ Văn Huấn kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	11.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
353	353	Phan Thị Bích Thu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	450	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
750	750	Nguyễn Văn Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	399.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
351	351	Ngô Hữu Trung và Trần Thị Tuyết Nga	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	240.1	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	452	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
134	134	Từ Văn Du	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1975.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
354	354	Ngô Hữu Thắm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	ONT	CGT	CNV	TSQ	452	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1188	1188	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	8.6	NTD	CGT	TCN	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1188	1188	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	15.1	NTD	CGT	TCN	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1188	1188	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	29.2	NTD	CGT	TCN	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1188	1188	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	19.9	NTD	CGT	TCN	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1188	1188	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6.4	NTD	CGT	TCN	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1188	1188	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	11.1	NTD	CGT	TCN	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
379	379	Nguyễn Văn Đậu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	545.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	545	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
711	711	Nguyễn Hạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	80.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
712	712	Trần Mạnh Khương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	30.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
713	713	Tạ Thị Bích Lệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	80.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
116	116	Từ điểm (chết) và Tiêu Thị Kiềm (chết) - con Từ Văn Du, Từ Văn Đạt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	824.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1187	1187	Từ Phước Minh (chết) - Dương Thị Dân (chết)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	294.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1188	1188	Từ Phước Hợi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	304.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1189	1189	Từ Phước Hợi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	112.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1190	1190	Từ Phước Minh (chết) - Dương Thị Dân (chết)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	137.1	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1191	1191	Từ Phước Minh (chết) - Dương Thị Dân (chết)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	78	ONT	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1192	1192	Từ Phước Minh (chết) - Dương Thị Dân (chết)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	61.2	ONT	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1193	1193	Từ Phước Minh (chết) - Dương Thị Dân (chết)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	44.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
1194	1194	Từ Phước Minh (chết) - Dương Thị Dân (chết)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39	ONT	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
939	939	Hồ Văn Nhơn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	326.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
940	940	Hồ Văn Giang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	371.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
947	947	Lưu Trọng Lư và Lê Thị Thứ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	331.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1503	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
950	950	Nguyễn Lực	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	202.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
951	951	Nguyễn Đăng Dạm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	225.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
380	380	Nguyễn Văn Quý	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	168.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
938	938	Hồ Văn Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	94.7	ONT	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
948	948	Tiêu Quang Vũ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	147.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
949	949	Ngô Thị Châm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	174.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
375	375	Phạm Văn Năm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	143.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
589	589	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1236.6	DGT	CGT	TCQ	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
553	553	Lê Văn Giáo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	806.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
841	841	Phạm Văn Liên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	710.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
471	471	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	311.5	DGT	CGT	TCQ	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
979	979	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	272.4	DGT	CGT	TCQ	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
978	978	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2043.7	SON	CGT	TCQ	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
979	979	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	724.5	DGT	CGT	TCQ	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
843	843	Huỳnh Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	669.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
481	481	Hồ Văn Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	836.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
524	524	Nguyễn Ngọc Thạch	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	888.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
227	227	Huỳnh Văn Bốn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	243.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2388	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
188	188	Bùi Thị Đào	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	240.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	245	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
472	472	Ngô Thị Vạn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	494.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
523	523	Ngô Hữu Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	200.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
480	480	Nguyễn Thị Đồng (chết) - Người được thừa kế ông Tiêu Bé	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	116.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1907	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
952	952	Lưu Trọng Lư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	55.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
211	211	Trương Ái (Trương Cư)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	350.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1904	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
873	873	Đàm Núi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	148.5	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
313; 355	313; 355	HTX Nông nghiệp Long Phú	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3529.4	TMD	CGT	TKT	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
601	601	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	809.2	NTD	CGT	TCN	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
889	889	Nguyễn Thị Đồng (chết) - Người được thừa kế ông Tiêu Bé	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	138.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
294	294	Lâm Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	272.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	279	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
459	459	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3189.1	CLN	CGT	CNV	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
631	631	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3632.7	NTD	CGT	TCN	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
773	773	Nguyễn Hường (chết) - Vợ Nguyễn Thị Bên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	470.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
586	586	Lê Văn Lũy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	166.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
567	567	Tiêu Nở (chết) - Cháu Tiêu Văn Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1257.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
709	709	Tiêu Nở (chết) - Cháu Tiêu Văn Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	165.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
649	649	Nguyễn Thị Đồng (chết) - Người được thừa kế ông Tiêu Bé	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	181.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
422	422	Nguyễn Thị Chung - chồng Nguyễn Nhứt (chết)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	102	HNK	CGT	CNV	TSQ	1216	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
650	650	Huỳnh Tấn Vũ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	385.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
891	891	Nguyễn An	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	45.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
710	710	Đoàn Phụng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2112.4	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
588	588	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	282.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
982	982	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1108.3	DTL	CGT	TCQ	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
602	602	Nguyễn An	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
0	0	Huỳnh Văn Lô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	Huỳnh Văn Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
770	770	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	107.5	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
127	127	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	190.3	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
128	128	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	271.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1644	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
150	150	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.9	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
150	150	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	52.3	DTL	CGT	TCQ	TSQ	761	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
150	150	Lê Thị Sỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	655.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	761	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
151	151	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	88.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
153	153	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	229.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	185	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
180	180	Lê Thị Sỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	464.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	755	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
240	240	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	73.9	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1213	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
307	307	Nguyễn Tấn Sinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	50.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	332	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
403	403	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	45.6	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
416	416	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	55.4	DTL	CGT	TCQ	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
649	649	Đoàn Thị Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1075.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	1502	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
688	688	Nguyễn Đăng Sơn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	315.3	LUK	CGT	TCQ	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
689	689	Bùi Thị Tâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1072.2	LUC	CGT	TCQ	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
734	734	Tiêu Tấn Hạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	388.4	LUC	CGT	TCQ	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	78.7	DTL	CGT	TCQ	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	226.1	DTL	CGT	TCQ	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5	BCS	CGT	TCQ	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
314	314	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	756.8	MNC	CGT	TCQ	TSQ	327	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
314	314	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1230	MNC	CGT	TCQ	TSQ	1976	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	661.4	DTL	CGT	TCQ	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	214	DTL	CGT	TCQ	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1421	DGT	CGT	TCQ	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1255	DGT	CGT	TCQ	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.1	DGT	CGT	TCQ	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
169	169	Kiều Thị Thu Trang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	811.9	LUC	CGT	TCQ	TSQ	2202	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
171	171	Nguyễn Thị Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	88.3	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1048	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
185	185	Trần Ngọc Tân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	511.1	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
186	186	Đoàn Thị Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	496.3	LUC	CGT	TCQ	TSQ	901	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
208	208	Trần Văn Ngải	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	467.8	LUK	CGT	TCQ	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
209	209	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	108.1	LUC	CGT	TCQ	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
218	218	Nguyễn Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	717.6	LUK	CGT	TCQ	TSQ	1989	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	60.4	DGT	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	207	DGT	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1287.2	DTL	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	10.3	DTL	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
957	957	Lâm Văn Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	13.3	HNK	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
958	958	Lâm Văn Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	25.1	HNK	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
959	959	Huỳnh Tấn Tinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	33	HNK	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
76	76	Lâm Văn Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	22	LUC	CGT	TCQ	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
224	224	Nguyễn Thị Thanh Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	547.8	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1989	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
268	268	Nguyễn Thị Thanh Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	450.1	LUC	CGT	TCQ	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
269	269	Ngô Văn Sỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	967.5	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1214	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
305	305	Nguyễn Thị Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	155.8	HNK	CGT	TCQ	TSQ	325	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
315	315	Nguyễn Liên (chết) - Vợ Nguyễn Thị Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	769.4	LUC	CGT	TCN	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
343	343	Bùi Đình Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	365.8	LUC	CGT	TCN	TSQ	2193	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
344	344	Nguyễn Thị Dư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	748.8	LUC	CGT	TCN	TSQ	1356	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
554	554	Nguyễn Phúc Thuận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	479.5	LUC	CGT	TCN	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
558	558	Phan Thị Bửu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	270	LUC	CGT	TCN	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
600	600	Lê Duy Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	918.1	LUC	CGT	TCN	TSQ	215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
601	601	Ngô Hữu Chánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	41.5	LUC	CGT	TCN	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
603	603	Trương Văn Bé	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	344.1	LUC	CGT	TCN	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
647	647	Lê Chín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	700.9	LUC	CGT	TCN	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
170	170	Nguyễn Tấn Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	165.3	LUC	CGT	TCN	TSQ	760	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
178	178	Phạm Thị Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	736.5	LUK	CGT	TCN	TSQ	2205	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
196	196	Ngô Minh Thuận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	253.4	LUK	CGT	TCN	TSQ	2388	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
219	219	Nguyễn Thị Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	501.6	LUC	CGT	TCN	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
127	127	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	526.2	LUC	CGT	TCN	TSQ	1640	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
267	267	Lê Thị Chi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	232.9	LUC	CGT	TCN	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
282	282	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	313.1	LUC	CGT	TCN	TSQ	279	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
406	406	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	217	LUC	CGT	TCN	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
194	194	Lê Thị Chi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	695	LUC	CGT	TCN	TSQ	2385	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
217	217	Lê Thị Chi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	308.6	LUC	CGT	TCN	TSQ	1906	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
236	236	Lê Thị Xuân Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	46.4	LUC	CGT	TCN	TSQ	1969	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	254.2	LUC	CGT	TCN	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
225	225	Ngô Hữu Tín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	113.8	LUC	CGT	TCN	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
306	306	Nguyễn Thị Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	418.1	LUC	CGT	TCN	TSQ	190	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
356	356	Hồ Thị Kim Loan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	141.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
413	413	Lê Văn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	258.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
518	518	Nguyễn Thiết (chết) - Con trai Nguyễn Văn An kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1195.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
557	557	Nguyễn Thị Nghĩa (Chết) - Con gái Nguyễn Thị Mai kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	82.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
692	692	Lê Văn Niép	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	523.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	
177	177	Nguyễn Văn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	834.9	LUK	CGT	CNV	TSQ	2201	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
204	204	Nguyễn Tấn Đoàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	335.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
216	216	Nguyễn Tấn Đoàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	166.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
102	102	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	91.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
103	103	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	135	LUC	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
126	126	Huỳnh Tấn Vỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	317.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	767	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
129	129	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	1644	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
239	239	Nguyễn Thị Bửu - Con Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ủy quyền kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	285.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	1212	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
241	241	Nguyễn Tấn Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	717.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	1981	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
270	270	Bùi Đình Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	708.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	1215	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
281	281	Bùi Đình Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	46.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	89	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
404	404	Nguyễn Tấn Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	455.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	2195	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
405	405	Bùi Thị Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	444.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
559	559	Nguyễn Thị Tự (chết) - Con Nguyễn Thị Lựu kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	337.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	558	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
648	648	Nguyễn Mẫn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	591.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
736	736	Nguyễn Thị Bửu - Con Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ủy quyền kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	168	LUC	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1023	1023	Nguyễn Thương Vinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	159.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
164	164	Đào Thị Huỳnh (chết) - Con trai Nguyễn Tấn Đoàn kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	454.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	2209	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
197	197	Nguyễn Thị Bửu - Con Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ủy quyền kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	49.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	1903	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
206	206	Đào Thị Huỳnh (chết) - Con trai Nguyễn Tấn Đoàn kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	330.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
207	207	Đào Thị Huỳnh (chết) - Con trai Nguyễn Tấn Đoàn kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	474.8	LUK	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
222	222	Phạm Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	274.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
223	223	Võ Mỹ (chết) - Con Võ Duy Văn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	789.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	241	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định							Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(12)
227	227	Nguyễn Văn Sơn (chết) - vợ Trần Thị Thảo (người được thừa kế)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	18.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
233	233	Nguyễn Văn Sơn (chết) - vợ Trần Thị Thảo (người được thừa kế)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	220.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
202	202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	458.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
203	203	Nguyễn Thanh Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	663.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
242	242	Nguyễn Thanh Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	931.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
271	271	Lê Thị Sốt (chết) - Con Phạm Ngàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	48.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
690	690	Nguyễn Thanh Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	571	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
205	205	Nguyễn Tấn Đoàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	449	NTS	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
215	215	Nguyễn Tấn Đoàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	165.2	NTS	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
195	195	Trương Giáo (Trương Giác)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1034.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
195	195	Trương Giáo (Trương Giác)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	119.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
962	962	Huỳnh Dân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	64.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
956	956	Lâm Văn Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.2	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
104	104	Ngô Hữu Chuẩn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	8.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
155	155	Đoàn Tấn Nguyên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	101.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
214	214	Nguyễn Tấn Đoàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	134.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
224	224	Nguyễn Thị Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	54.4	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	241	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
824	824	Nguyễn Tấn Hoà (chết) - con trai Nguyễn Tấn Lệ kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	18.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
125	125	Lê Văn Chí	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	357.1	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	1905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
156	156	Đoàn Xuân Tuyền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	100	ONT	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1234	1234	Lê Văn Tây	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	468.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
157	157	Ngô Hữu Định	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	200	ONT	CGT	CNV	TSQ	1905	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1060	1060	Nguyễn Thị Thanh Hoà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	256.1	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1061	1061	Nguyễn Tấn Hải	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	507.2	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
234	234	Phạm Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	853.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1210	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
961	961	Huỳnh Phước	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	52.1	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
105	105	Nguyễn Văn Hạnh và Đoàn Thị Lệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	28.8	ONT	CGT	CNV	TSQ	112	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1232	1232	Nguyễn Thị Vân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	204.1	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1233	1233	Nguyễn Thị Vân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	308.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
305	305	Bùi Đình Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	379.8	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	190	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
321	321	Bùi Đình Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	20.8	ONT	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
322	322	Bùi Đình Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	74.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	453	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
323	323	Bùi Đình Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1943.7	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	328	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
324	324	Bùi Đình Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	101.2	ONT	CGT	CNV	TSQ	452	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
325	325	Bùi Đình Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	106	ONT	CGT	CNV	TSQ	1348	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
807	807	Nguyễn Chánh (chết) - vợ Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	762.4	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
11	11	Nguyễn Chánh (chết) - vợ Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	748.8	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
42	42	Nguyễn Chánh (chết) - vợ Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	739.7	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	1651	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
73	73	Nguyễn Chánh (chết) - vợ Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	389.1	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
73	73	Nguyễn Chánh (chết) - vợ Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	238.1	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
345	345	Trần Văn Anh - Đặng Thị Nguyệt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	129.7	ONT	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
346	346	Nguyễn Thơ và Nguyễn Thị Thu Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	91.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
347	347	Nguyễn Đào và Võ Thị Hiếu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	74.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	333	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
354	354	Đoàn Văn Mưỡn (chết) - Hồ Thị Kim Loan (con dâu đại diện)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	223.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1026	1026	Nguyễn Thơ và Nguyễn Thị Thu Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	105.2	ONT	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1014	1014	Nguyễn Đào và Võ Thị Hiếu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	50.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1015	1015	Nguyễn Hoà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	23.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
469	469	Lê Văn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1676.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
400	400	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.1	MNC	CGT	TCQ	TSQ	1509	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
414	414	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	96.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
415	415	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	32.9	MNC	CGT	TCQ	TSQ	320	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
470	470	Nguyễn Diệp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	159.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	236	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	65.2	DGT	CGT	TCQ	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
357	357	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	220.9	DTL	CGT	TCQ	TSQ	446	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
360	360	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	24.7	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1350	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
412	412	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	234.7	DTL	CGT	TCQ	TSQ	285	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
416	416	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	18.4	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1044	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
510	510	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1064.1	MNC	CGT	TCQ	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
560	560	Huỳnh Thị Trúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1225.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
599	599	Võ Quận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	876.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1100	1100	Phạm Thị Cẩm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	313.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	443.7	DTL	CGT	TCQ	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	109	DGT	CGT	TCQ	TSQ	451	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
361	361	Phạm Thị Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	311.5	LUK	CGT	CNV	TSQ	1496	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
402	402	Đoàn Tấn Nguyên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1022.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	321	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
561	561	Huỳnh Lân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	303.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	769	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
605	605	Nguyễn Tường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	186.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
355	355	Hồ Thị Kim Loan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	347.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
359	359	Lê Văn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	451.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	1501	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
461	461	Nguyễn Văn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	686.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	763	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
462	462	Lê Văn Niếp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	382.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	556	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
687	687	Lê Thị Diệt (chết) - Châu nội Trần Kim Nhuận đại diện kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	24.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
519	519	Phạm Thị Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	657.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
520	520	Nguyễn Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	413.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
604	604	Nguyễn Văn Sơn (chết) - vợ Trần Thị Thảo (người được thừa kế)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	985.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
646	646	Lê Thị Hồng (chết) - Châu Nguyễn Trần Tấn Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	361.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
650	650	Nguyễn Thị Vàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	185	LUC	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
401	401	Phạm Ngân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	103.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
468	468	Lê Phú Cường (chết) - Con gái Lê Thị Lan - Ông Lê Văn Hùng người được ủy quyền kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1529.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1643	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
358	358	Võ Thị Mai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	99.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1355	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
411	411	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	32.8	TIN	CGT	CDS	TSQ	1510	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
411	411	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	716.4	DVH	CGT	TCN	TSQ	1651	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
243	243	Ngô Văn Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1091.3	LUK	CGT	CNV	TSQ	1984	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
178	178	Nguyễn Hoàng Danh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	275.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1898	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
179	179	Nguyễn Tốt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	464.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	2385	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	12.8	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
204	204	Nguyễn Thị Thông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	583.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	242	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
10	10	Hồ Thị Kiên (chết)- Đoàn Thị Mẫn kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	918.4	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	1651	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định						Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã			
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
41	41	Nguyễn Chánh (chết) - vợ Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	655	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
228	228	Võ Duy Nguyên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	728.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	243	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
229	229	Nguyễn Tấn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	348.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	248	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
1231	1231	Võ Văn Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	14	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2194	3685	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
373	373	Phan Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	397	CLN	ONT	CNV	CNV	1086	6545	Xác định lại hạn mức đất ở
150	150	Ngô Hữu Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2546	HNK	ONT	CNV	CNV	1023	6625	Xác định lại hạn mức đất ở
185	185	Hồ Văn Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2692	HNK	ONT	CNV	CNV	1121	6755	Xác định lại hạn mức đất ở
473	473	Võ Tấn Vinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	260	CLN	ONT	CNV	CNV	1125	7018	Xác định lại hạn mức đất ở
19	19	Lê Bá Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1420	HNK	ONT	CNV	CNV	1392	7380	Xác định lại hạn mức đất ở
496	496	Bùi Đình Rân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	410	LUC	HNK	CNV	CNV	1896	8527	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác
696	696	Tiêu Nhung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1327	HNK	ONT	CNV	CNV	265	4346	Xác định lại hạn mức đất ở
295	295	Trần Rân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1327	HNK	ONT	CNV	CNV	265	4346	Xác định lại hạn mức đất ở
108	108	Nguyễn Hữu Trước	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	659	HNK	ONT	CNV	CNV	2355	9464	Xác định lại hạn mức đất ở
1040	1040	Trần Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	696	CLN	ONT	CNV	CNV	2355	9464	Xác định lại hạn mức đất ở
282	282	Phan Công Phú	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	37	CLN	ONT	CNV	CNV	2355	9464	Xác định lại hạn mức đất ở
228	228	Trần An	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1180	HNK	ONT	CNV	CNV	2373	9505	Xác định lại hạn mức đất ở
1247	1247	Huỳnh Tấn Lập	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	221	HNK	ONT	CNV	CNV	2365	9523	Xác định lại hạn mức đất ở

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
287	287	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	118.8	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
288	288	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1872.9	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
289	289	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2328.7	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
290	290	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1825	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
291	291	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	745.2	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
292	292	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	528.8	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
293	293	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	260.8	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
294	294	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1776.7	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
295	295	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4628.3	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
296	296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	10739.2	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
297	297	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7404.8	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
298	298	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1118.3	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
135	135	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1097.9	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
136	136	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	475.3	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
137	137	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	490.4	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
138	138	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	354.4	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
139	139	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1114.7	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
140	140	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	18133.6	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
141	141	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	35557	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
142	142	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	847.6	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
143	143	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	626.1	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
144	144	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	402.6	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
145	145	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7530.2	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
146	146	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	790.6	RSX	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
147	147	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	34.2	DGT	SKN	TCQ	TKT	2608	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Cụm công nghiệp Hành Minh-Hành Đức	
18	18	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	21066	HNK	CNT	TCQ	CNV	2735	9848	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp và trồng cây ăn quả	
439	439	Lê Văn Thủy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	298	CLN	ONT	CNV	CNV	287	4614	Xác định lại hạn mức đất ở	
191	191	Nguyễn Văn Dương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	782.7	HNK	DGT	CNV	TCQ	411	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
208	208	Huỳnh Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	817.1	HNK	DGT	CNV	TCQ	587	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
221	221	Nguyễn Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	512.6	HNK	DGT	CNV	TCQ	410	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
170	170	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	272.5	DGT	DTL	TCQ	TCQ	581	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
1246	1246	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2562.1	SON	DGT	TCQ	TCQ	414	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
895	895	Lê Ngọc Hưng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	370.7	HNK	DGT	CNV	TCQ	410	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
79	79	Hồ Mẹo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	731.3	HNK	DGT	CNV	TCQ	413	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
597	597	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	261.3	HNK	DGT	CNV	TCQ	412	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
50	50	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2003.4	HNK	DGT	CNV	TCQ	407	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
51	51	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	939.6	HNK	DGT	CNV	TCQ	411	5042	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
21	21	Trần Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	380.5	HNK	DVH	CNV	TCN	411	5045	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
21	21	Nguyễn Dục	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	428.6	HNK	DVH	CNV	TCN	587	5045	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
875	875	Đoàn Văn Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	503.8	HNK	ONT	CNV	TSQ	414	5089	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
190	190	Lê Văn Lũy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1877.3	HNK	ONT	CNV	TSQ	418	5089	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
210	210	Phạm Thị Thiệt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1018.4	HNK	ONT	CNV	TSQ	417	5089	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
211	211	Phan Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	553.7	HNK	ONT	CNV	TSQ	581	5089	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	672	SON	ONT	TCQ	CNV	408	5091	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
3	3	Tiêu Thị Hường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	468	HNK	ONT	CNV	TSQ	416	5093	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
18	18	Lê Văn Niên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1178.4	HNK	ONT	CNV	TSQ	415	5093	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
29	29	Nguyễn Thị Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	866.7	LUC	ONT	CNV	TSQ	414	5093	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
632	632	Trương Thị Hoa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	850.3	HNK	PNK	CNV	TCQ	410	5134	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
1248	1248	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	131.5	SON	ONT	TCQ	CNV	410	5138	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định							Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã		
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1249	1249	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5	SON	ONT	TCQ	CNV	413	5138	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
242	242	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	32.5	DGT	ONT	TCQ	CNV	412	5138	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
2	2	Lê Ngọc Hưng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	250.2	HNK	ONT	CNV	CNV	412	5142	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
874	874	Lê Văn Thụy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	478.6	HNK	ONT	CNV	TSQ	407	5142	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
45	45	Phạm Minh Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	642.8	HNK	ONT	CNV	CNV	418	5143	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
832	832	Lê Minh Thọ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	563.4	HNK	ONT	CNV	TSQ	415	5143	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
224	224	Nguyễn Văn Dương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	526.2	HNK	ONT	CNV	CNV	413	5145	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
19	19	Nguyễn Thị Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1623.4	HNK	ONT	CNV	CNV	408	5145	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
30	30	Đoàn Văn Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1083.5	HNK	ONT	CNV	CNV	407	5145	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
32	32	Nguyễn Đức Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	609.2	HNK	ONT	CNV	CNV	411	5145	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
33	33	Nguyễn Văn Tiên (đã chết) - Người đại diện, vợ: Từ Thị Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1019.3	HNK	ONT	CNV	CNV	587	5145	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
43	43	Lê Văn Thụy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	576.4	HNK	ONT	CNV	CNV	407	5145	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
118	118	Nguyễn Văn Thịnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1052.2	HNK	DKV	CNV	TCN	581	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
119	119	Đào Thị Thông(dã chết) - Nguyễn Trung Thành được Thừa kế)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1348.8	HNK	DKV	CNV	TCN	416	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
142	142	Phạm Văn Huệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	971.1	HNK	DKV	CNV	TCN	415	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
171	171	Võ Tấn Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	616.8	HNK	DKV	CNV	TCN	414	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
304	304	Đào Thị Liễu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	544.7	HNK	DKV	CNV	TCN	418	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
20	20	Võ Tấn Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1449.8	HNK	DKV	CNV	TCN	417	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
23	23	Trần Kim	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1462.7	HNK	DKV	CNV	TCN	581	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
876	876	Lê Văn Niên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	400.1	HNK	DKV	CNV	TCN	416	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
302	302	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	222	DTL	DKV	TCQ	TCN	415	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
241	241	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	120.9	DGT	DKV	TCQ	TCN	407	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
297	297	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2441.4	SON	DKV	TCQ	TCN	411	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
596	596	Trịnh Bá Đạo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	740.3	HNK	DKV	CNV	TCN	587	5151	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
144	144	Lê Thị Thanh Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	922.8	HNK	ONT	CNV	CNV	418	5155	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
595	595	Trịnh Bá Luận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	798.7	HNK	PNK	CNV	TCQ	582	5220	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
206	206	Nguyễn Văn Ai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	544.3	HNK	ONT	CNV	CNV	590	5225	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
101	101	Phạm Thị Xuân Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	577.3	HNK	ONT	CNV	CNV	589	5229	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
633	633	Trần Võ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1124.2	HNK	PNK	CNV	TCQ	413	5236	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
96	96	Lê Thị Ngưỡng, Nguyễn Văn Phong (chết) - Con Nguyễn Văn Ơi đại diện kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	304.7	HNK	ONT	CNV	CNV	729	5295	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
20	20	Tiêu Văn Hương (đã chết) - Người đại diện: Vợ là bà Trần Thị Hồng Thúy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	417	HNK	ONT	CNV	CNV	730	5295	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
662	662	Trịnh Thị Thứ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	723.5	HNK	DKV	CNV	TCN	408	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
663	663	Phạm Thị Hường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1142.1	HNK	DKV	CNV	TCN	407	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
728	728	Nguyễn Thị Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	495	HNK	DKV	CNV	TCN	411	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
729	729	Lê Văn Dũng (chết) - đại diện Lê Văn Tuế kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	245.7	HNK	DKV	CNV	TCN	587	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
730	730	Võ Thị Nghị	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	250.9	HNK	DKV	CNV	TCN	411	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
731	731	Trần Võ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	446.8	HNK	DKV	CNV	TCN	587	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
732	732	Nguyễn Thị Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	471.1	HNK	DKV	CNV	TCN	411	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
78	78	Lê Thị Mỹ Lộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1153.2	HNK	DKV	CNV	TCN	587	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
99	99	Nguyễn Thị Đường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	584	HNK	DKV	CNV	TCN	418	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
100	100	Nguyễn Thị Xuân Mai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	438.9	HNK	DKV	CNV	TCN	417	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
664	664	Từ Cảnh (đã chết) - Người thừa kế: bà Từ Thị Tuế kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1033.3	HNK	DKV	CNV	TCN	588	5381	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định							Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(12)
634	634	Trần Tấn Chánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	922.5	HNK	PNK	CNV	TCQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
77	77	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1466.5	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
98	98	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	530.7	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
117	117	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	606.4	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
558	558	Võ Tường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1175.8	HNK	PNK	CNV	TCQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
192	192	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	662.7	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
193	193	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	257.5	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
197	197	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	595.6	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
195	195	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	309.8	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
194	194	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	56.6	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
885	885	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	111.2	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
886	886	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	76.2	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
72	72	Ngô Thị Thúy Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5.1	ONT	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
72	72	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	277.2	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định							Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(12)
71	71	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	279.5	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
1	1	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	181.4	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
833	833	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	176.3	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
834	834	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	501.5	LUC	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
96	96	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	761.4	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
71	71	Nguyễn Văn Thịnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	160	HNK	ONT	CNV	TSN	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
557	557	Hồ Mẹo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	682	HNK	PNK	CNV	TCQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
120	120	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	500.1	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
317	317	Nguyễn Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1340	HNK	ONT	CNV	CNV	Xác định lại hạn mức đất ở
49	49	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	25.1	NTD	DTL	TCQ	TCQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
46	46	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	51.4	DNL	DTL	TKT	TCQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
44	44	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	29.4	NTD	DTL	TCQ	TCQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
160	160	Trần Tư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1000	HNK	ONT	CNV	CNV	Xác định lại hạn mức đất ở
505	505	Nguyễn Thị Phú	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1000	HNK	ONT	CNV	CNV	Xác định lại hạn mức đất ở
73	73	Phạm Đức Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	209.4	ONT	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
74	74	Nguyễn Cu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5.1	ONT	ONT	CNV	TSQ	590	5705	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
110	110	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	163.2	HNK	ONT	CNV	TSQ	729	5705	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
143	143	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	128.1	HNK	ONT	CNV	TSQ	730	5705	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
41	41	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	157.1	BCS	ONT	TCQ	CNV	410	5720	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
42	42	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	13.3	NTD	ONT	TCQ	CNV	408	5720	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
80	80	Huỳnh Hướng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	767.7	HNK	ONT	CNV	TSQ	410	5725	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
97	97	Nguyễn Tuấn Huy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	382.8	HNK	ONT	CNV	TSQ	413	5725	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
143	143	Nguyễn Tuấn Huy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1283.9	HNK	ONT	CNV	TSQ	412	5725	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
298	298	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	125	DGT	DTL	TCQ	TCQ	416	5733	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
299	299	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	535.9	DGT	DTL	TCQ	TCQ	415	5733	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
69	69	Trịnh Bá Hiếu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	217.3	HNK	DGD	CNV	TSN	416	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
31	31	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7930.4	DTT	DGD	TCN	TSN	415	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
168	168	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	50.8	DTL	DGD	TCQ	TSN	414	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
300	300	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6111.7	SON	DGD	TCQ	TSN	410	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định						Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã			
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
777	777	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	598.3	DGT	DGD	TCQ	TSN	410	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
1250	1250	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	900.1	DGT	DGD	TCQ	TSN	410	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
398	398	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	729.8	DGT	DGD	TCQ	TSN	413	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
301	301	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	132.5	DGT	DGD	TCQ	TSN	412	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
991	991	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	228.3	DGT	DGD	TCQ	TSN	408	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
992	992	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1321.4	DGT	DGD	TCQ	TSN	407	5769	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
1247	1247	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	59.6	BCS	ONT	TCQ	CNV	582	5787	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
120; 205	120; 205	Lê Thị Ngưỡng, Nguyễn Văn Phong (chết) - Con Nguyễn Văn Ôi đại diện kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3751.6	HNK	ONT	CNV	TSN	412	5797	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
21	21	Trần Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1957.4	HNK	ONT	CNV	TSN	408	5797	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
674	674	Ngô Hữu Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1460	CLN	ONT	CNV	CNV	763	5801	Xác định lại hạn mức đất ở
303	303	Bùi Thị Kim	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	200	HNK	ONT	CNV	CNV	763	5801	Xác định lại hạn mức đất ở
594	594	Hồ Mẹo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	490.5	HNK	PNK	CNV	TCQ	728	5834	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
144	144	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1216.9	HNK	ONT	CNV	CNV	728	5867	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
42	42	Nguyễn Thị Trương Nhân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	200	HNK	ONT	CNV	CNV	729	5871	Xác định lại hạn mức đất ở
169	169	Phạm Tấn Trí	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	930	HNK	ONT	CNV	TSQ	408	5873	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định						Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã	
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(12)
207	207	Võ Thị Hiệp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	466.9	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
212	212	Lê Văn Luyện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	643.2	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
525	525	Lê Nờ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	476.2	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
526	526	Ngô Thị Huân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	472.9	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
527	527	Nguyễn Cư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	285.1	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
556	556	Lê Búp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	292	HNK	ONT	CNV	TSQ	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
209	209	Huỳnh Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	767.5	HNK	ONT	CNV	TSN	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
284	284	Nguyễn Tuấn Huy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	319.9	HNK	ONT	CNV	TSN	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
1177	1177	Ngô Văn Sỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	597	HNK	ONT	CNV	CNV	Xác định lại hạn mức đất ở
413	413	Chế Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	450	HNK	ONT	CNV	CNV	Xác định lại hạn mức đất ở
644	644	Bà Nguyễn Thị Tám	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	450	HNK	ONT	GDC	GDC	Xác định lại hạn mức đất ở
38	38	Trần Thị Mỹ Hiền (Người được ủy quyền: Phan Trung Luật)	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	564.2	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
121	121	Nguyễn Văn Minh (chết) vợ là Huỳnh Thị Hải kê khai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	893.2	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
18	18	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	273.4	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá
70	70	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	140.3	HNK	ONT	CNV	CNV	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
219	219	Nguyễn Thị Lành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	649.3	HNK	DCH	CNV	TCN	417	5957	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
220	220	Lê Minh Thọ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1668	HNK	DCH	CNV	TCN	581	5957	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
222	222	Lê Thị Thanh Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	555.5	HNK	DCH	CNV	TCN	416	5957	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
223	223	Lê Thị Thanh Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	362.9	HNK	DCH	CNV	TCN	415	5957	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
285	285	Nguyễn Thị Nhạn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1025.3	HNK	DCH	CNV	TCN	414	5957	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng để thực hiện Công trình: Khu tái định cư Đồng Giá	
875	875	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	124.5	HNK	ONT	CNV	CNV	835	6111	Xác định lại hạn mức đất ở	
975	975	Nguyễn Tấn Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	87	CLN	ONT	CNV	CNV	835	6111	Xác định lại hạn mức đất ở	
200	253	Trần Đức Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	508.8	CLN	CGT	CNV	TSQ	386	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
201	254	Nguyễn Văn Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	938.6	CLN	CGT	CNV	TSQ	617	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
202	255	Nguyễn Trần Thái	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1172.7	CLN	CGT	CNV	TSQ	629	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
203	256	Phan Tấn Tám	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1574.6	CLN	CGT	CNV	TSQ	627	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
2	185	Nguyễn Huyền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2060.2	CLN	CGT	CNV	TSQ	628	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
2	186	Lê Văn Bang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2198	CLN	CGT	CNV	TSQ	626	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
2	189	Đặng Thị Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	789.8	CLN	CGT	CNV	TSQ	866	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
4	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	630.1	CLN	CGT	TCQ	TSQ	865	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
7	0	Trần Đình Phúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6676.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	875	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
11	0	Trần Thanh Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	391.2	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
7.2	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1452.9	DGT	CGT	TCQ	TSQ	877	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
18	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1543.8	CLN	CGT	TCQ	TSQ	878	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
20	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4335.5	CLN	CGT	TCQ	TSQ	1139	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12	0	Trần Đình Phúc- Nguyễn Thị Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1418.1	CLN	CGT	CNV	TSQ	1138	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
206	0	Nguyễn Thị Thanh Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	70.7	CLN	CGT	CNV	TSQ	1137	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
14	0	Trần Văn Thuyền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	34.1	CLN	CGT	CNV	TSQ	1156	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
204	0	Huỳnh Văn Găng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.7	CLN	CGT	CNV	TSQ	1157	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
201	0	Huỳnh Thông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1410.7	CLN	CGT	CNV	TSQ	1158	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
13	0	Trần Phục	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	644.1	CLN	CGT	CNV	TSQ		1196	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
202	0	Trần Văn Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1545.3	CLN	CGT	CNV	TSQ		1197	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
203	0	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1185.7	CLN	CGT	CNV	TSQ		1198	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
19	0	Nguyễn Thị Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.3	CLN	CGT	CNV	TSQ		1198	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
26	0	Nguyễn Trí Đức	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	118	CLN	CGT	CNV	TSQ		1115	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
30	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5788	CLN	CGT	TCQ	TSQ		1117	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
38	0	Phan Tấn Tiến	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	551.4	CLN	CGT	CNV	TSQ		1511	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
39	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1783.3	CLN	CGT	TCQ	TSQ	1514	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
45	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	111.7	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
46	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	98.9	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
50	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1754.7	CLN	CGT	TCQ	TSQ	1498	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
55	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	162.3	CLN	CGT	TCQ	TSQ	1499	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
58	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3091	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
64	0	Trần Mười	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	465	HNK	CGT	CNV	TSQ	1512	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
69	0	Nguyễn Thị Lan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	502.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1512	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
70	0	Trần Văn Có	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	512.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1512	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
71	0	Đỗ Thị Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	414.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	1512	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
80	0	Phan Danh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1013.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1512	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
81	0	Trần Đức Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	813.9	CLN	CGT	CNV	TSQ	1518	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
88	0	Nguyễn Thị Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	358.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	1519	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
89	0	Nguyễn Định	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	813.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1520	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
99	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	773.8	CLN	CGT	TCQ	TSQ	1516	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
100	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	197.3	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
101	0	Nguyễn Định	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	267.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	1824	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
102	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	115.7	BCS	CGT	TCQ	TSQ	1822	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
103	0	Trần Văn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	244.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
82	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.7	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1833	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
90	0	Trần Văn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	198.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1828	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
87	0	Trần Văn Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1828	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
85	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4.9	DTL	CGT	TCQ	TSQ	1837	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
115	0	Trần Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	174.1	CLN	CGT	CNV	TSQ	1839	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
122	0	Trần Thanh Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	719.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	1840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
123	0	Trần Đình Huy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1199.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	1840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
124	0	Trần Văn Rô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1012.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	1840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
129	0	Trần Đình Huy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	843.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	1840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
116	0	Trần Văn Quyền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	552.4	CLN	CGT	CNV	TSQ	1841	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
134	0	Trần Thanh Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	67.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
138	0	Trần Việt Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	435.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
139	0	Trần Đình Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	842.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
143	0	Trần Thanh Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	368.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
149	0	Trần Đình Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	160.5	CLN	CGT	CNV	TSQ	1838	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
154	0	Huỳnh Sáu Trần Thị Lệ Cẩm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	149.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
155	0	Trần Thị Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	44.8	CLN	CGT	CNV	TSQ		1838	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
163	0	Trần Đoàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	277.9	CLN	CGT	CNV	TSQ		1838	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
164	0	Trần Đoàn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	637	HNK	CGT	CNV	TSQ		2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
177	0	Trần Văn Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	522.4	HNK	CGT	CNV	TSQ		2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
144	225	Trần Văn Chín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2819.4	CLN	CGT	CNV	TSQ		1838	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
199	224	Trần Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1777.6	CLN	CGT	CNV	TSQ		1838	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
145	0	Trần Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	846.4	CLN	CGT	CNV	TSQ		1838	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
7.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	683	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2152	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
0	0	Trần Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.5	CLN	CGT	CNV	TSQ	1838	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12.2	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	21.4	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2152	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12.2	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	966	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12.4	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1178.9	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
312	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	509.1	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12.4	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	47.5	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
12.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	311.9	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12.3	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	876.9	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
355	0	Võ Thị Sang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	283.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12.4	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2513	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
12.3	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1706.2	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
3	0	Lê Thị Chưa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	658.6	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
11	0	Trần Ngọc Mạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
12	0	Trần Đức Nguyễn Thị Lan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	118.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
17	0	Trần Thiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	949.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
21	0	Nguyễn Thị Năm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1056.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
27	0	Huỳnh Thị Thái	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	346.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
33	0	Nguyễn Thị Thời	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	122.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
34	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	46.4	NTD	CGT	TCQ	TSQ	2692	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
35	0	Lê Văn Thúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	894.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
39	0	Trần Đức Hỷ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1969.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
40	0	Huỳnh Thị Thái	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	932	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
41	0	Trần Thiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	455.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
47	0	Huỳnh Sáu Trần Thị Lệ Cẩm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	193.4	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
48	0	Trần Đức Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	436.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
52	0	Phan Tấn Tám	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	510.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
56	0	Huỳnh Giáp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	681	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
62	0	Nguyễn Thị Cúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	420.1	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
66	0	Trần Hữu Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2332.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
68	0	Võ Thị Bông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	607.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	3172	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
69	0	Lê Văn Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1882	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
70	0	Trần Lệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	432	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
77	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	73	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
78	0	Lê Văn Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	437	ONT	CGT	CNV	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
83	0	Nguyễn Nhựt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1138.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
92	0	Phan Danh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	682.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
106	0	Phan Tấn Giới	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	389.5	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
107	0	Nguyễn Thị Bồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1280.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	3172	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
108	0	Nguyễn Thị Cúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	340.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
116	0	Phạm Duy Tâm Chế Thị Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	454.4	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
117	0	Phạm Ngọc Thiệu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	999	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
118	0	Huỳnh Thuộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	833.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
140	0	Phạm Ngọc Thức Võ Thị Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	80.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
154	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	329	BCS	CGT	TCQ	TSQ	1511	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
155	0	Võ Thị Đàm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	401.2	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
158	0	Nguyễn Thị Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	37.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
159	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	646.9	CLN	CGT	TCQ	TSQ	1512	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
160	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	16.1	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
119	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	876.9	BCS	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
161	0	Huỳnh Tín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	373.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
164	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	28.3	BCS	CGT	TCQ	TSQ	1511	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
165	0	Trần Thị Mỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	61.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
166	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	74.1	BCS	CGT	TCQ	TSQ	1511	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
167	0	Võ Thị Sang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	512	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
168	0	Võ Thị Đảm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1250.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
170	0	Phạm Hồ Châu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	387.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
173	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	14	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
174	0	Nguyễn Thị Bồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	90.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
175	0	Trần Văn Rô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	185.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
176	0	Trần Đức Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2290.6	CLN	CGT	CNV	TSQ	1512	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
177	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	264.5	NTD	CGT	TCQ	TSQ	2692	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
178	0	Võ Thị Sang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	918.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
179	0	Nguyễn Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	556	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
180	0	Nguyễn Văn Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	518.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
181	0	Lê Thị Chưa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	370.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
182	0	Lê Lãnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	59.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
186	0	Trần Anh Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	464.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	3167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
187	0	Trần Việt Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	478.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
189	0	Huỳnh Văn Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	749.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
190	0	Trần Hữu Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	208.3	HNK	CGT	CNV	TSQ		2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
200	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	72	DGT	CGT	TCQ	TSQ		2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
201	0	Trần Văn Đệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	425.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
202	0	Nguyễn Văn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	576.1	LUC	CGT	CNV	TSQ		2688	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
203	0	Nguyễn Nhựt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	652.3	LUC	CGT	CNV	TSQ		1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
212	0	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	173.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
213	0	Lê Lãnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	351.2	LUC	CGT	CNV	TSQ		1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
214	0	Trần Đức Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	814.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
215	0	Nguyễn Thị Thông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	755.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
216	0	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	851	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
217	0	Nguyễn Thị Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	679.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
218	0	Phạm Ngọc Thiệu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	70.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
228	0	Huỳnh Văn Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	218.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
229	0	Phạm Tà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	495	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
230	0	Phan Đình Phần	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	292.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
231	0	Trần Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	290.8	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
239	0	Nguyễn Thị Thời	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	120.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
240	0	Phạm Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	787.7	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
241	0	Phạm Yên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	964.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
242	0	Nguyễn Dương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	399.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
243	0	Nguyễn Văn Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	357.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
249	0	Trần Văn Có	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	237.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
250	0	Huỳnh Thông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	540.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
251	0	Nguyễn Thanh Long	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	455.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
260	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	77.8	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
261	0	Nguyễn Văn Nhu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	882.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
266	0	Nguyễn Thị Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	180.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
267	0	Nguyễn Đình Tánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	465.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
268	0	Hồ Thị Bông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1065.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
269	0	Lê Văn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	562.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
270	0	Phạm Đê	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	931.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
271	0	Nguyễn Văn Thọ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	165.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
280	0	Nguyễn Văn Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	187.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
281	0	Phạm Văn Cam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	274.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
282	0	Nguyễn Văn Mô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	539.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
285	0	Lê Văn Phụng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	155.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
286	0	Phạm Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	231.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
287	0	Phạm Văn Chúng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	786.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
293	0	Phạm Thị Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	167.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
294	0	Phạm Văn Đào	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1006.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
295	0	Lê Văn Nghi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	629.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
299	0	Nguyễn Văn Tín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	234.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
300	0	Phạm Văn Biên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	120.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
301	0	Nguyễn Văn Lai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	863.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
302	0	Nguyễn Đình Chánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	203	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
307	0	Nguyễn Thanh Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	213.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
308	0	Phạm Ngon	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	585.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
309	0	Nguyễn Dương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	257.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
310	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	0.4	HNK	CGT	TCQ	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
313	0	Nguyễn Thị Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	129.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
314	0	Trần Trọng Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	323.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
315	0	Trần Trọng Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	582.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
316	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	697.5	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
317	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	13.6	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
319	0	Nguyễn Thị Thẽ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	39	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
320	0	Đỗ Quang Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	32.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
321	0	Nguyễn Ngọc Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	20.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
322	0	Phạm Linh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	423.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
323	0	Nguyễn Văn Tín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	337.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
324	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	64.4	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
327	0	Lê Thường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	544.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
328	0	Phạm Thị Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	877	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
329	0	Nguyễn Văn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	533.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
330	0	Đào Thị Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	120	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
333	0	Trần Trọng Thao	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	24.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1829	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
334	0	Trương Văn Nhạc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	555.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	3171	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
335	0	Nguyễn Văn Tín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	180.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	3171	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
341	0	Nguyễn Trinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	275.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
342	0	Nguyễn Trinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	864.7	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
343	0	Nguyễn Văn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	853	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
351	0	Phạm Văn Biên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	496.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	3171	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
352	0	Nguyễn Trang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1053.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	3173	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
353	0	Phạm Vàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	773	LUC	CGT	CNV	TSQ	3173	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
363	0	Võ Thị Sang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	440.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	3173	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
371	0	Trần Đức Hỷ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	886.9	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
372	0	Trần Đức Hỷ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	931.3	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
376	0	Phan Tuấn Định	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	563.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
384	0	Phan Tấn Tiến Nguyễn Thị Tòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	953.6	ONT	CGT	CNV	TSQ	1154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
383	0	Phan Đình Phần	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	306.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	1154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
385	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	36	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
386	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	275	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
387	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	125.4	NTD	CGT	TCQ	TSQ	2692	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
389	0	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	123.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
390	0	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	375.6	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
391	0	Trần Ngọc Đại	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	382.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	1154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
392	0	Trần Ngọc Lý Lưu Thị Thuận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	408.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	1154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
393	0	Trần Văn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1796.1	ONT	CGT	CNV	TSQ	877	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
396	0	Huỳnh Ván	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	605.7	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
397	0	Huỳnh Thị Thời	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	377.2	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
398	0	Trần Thị Diễm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	170	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
399	0	Trần Thị Diễm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	171	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
400	0	Trần Thị Diễm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	541.3	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
401	0	Trần Thị Diễm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1337.4	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
410	0	Huỳnh Văn Đường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	679.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
417	0	Trần Hai Phạm Thị Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	0.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	877	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
418	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	55.1	ONT	CGT	TCQ	TSQ	877	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
419	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.6	NTD	CGT	TCQ	TSQ	2692	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
429	0	Trần Đức Hỷ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1615.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
7	0	Nguyễn Thanh Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	337.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		3173	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
8	0	Võ Hồng Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	339.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
19	0	Huỳnh Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6.4	LUC	CGT	CNV	TSQ		2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
20	0	Huỳnh Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	353.4	LUC	CGT	CNV	TSQ		2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
21	0	Lê Văn Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1003	LUC	CGT	CNV	TSQ		2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
22	0	Lê Thị Huệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	30.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
23	0	Lê Văn Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.2	LUC	CGT	CNV	TSQ		2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
34	0	Nguyễn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	76	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
35	0	Phạm Thanh Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	559.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
36	0	Phạm Thị Yên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	489.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
37	0	Đỗ Quang Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	131.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
49	0	Nguyễn Thìn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	415.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
50	0	Võ Hồng Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	488.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
51	0	Lưu Văn Nghiệp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	255.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
52	0	Lê Văn Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	189.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
53	0	Phạm Vàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	308.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
64	0	Võ Hồng Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	98.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
65	0	Hồ Thị Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	520	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
66	0	Nguyễn Tấn Sỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	526	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
67	0	Nguyễn Văn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	354.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
68	0	Nguyễn Văn Đồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	276.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
82	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	134	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
83	0	Lê Thị Việt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	568	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
84	0	Hồ Thanh Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	623.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
97	0	Trần Thị Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	722.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
98	0	Nguyễn Thị Tụ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	589.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
99	0	Trần Thị Lên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	99.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
106	0	Phạm Ngọc Tám	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	618.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
109	0	Lê Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	649.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
110	0	Phạm Văn Tam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	530.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
111	0	Lê Thị Thu Bốn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	690.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
112	0	Nguyễn Đình Tân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	83.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
118	0	Trần Vọng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	607	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
137	0	Trần Vọng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	706.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
138	0	Võ Thị Tư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	586.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
139	0	Võ Thanh Hải	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	562	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
140	0	Đặng Đình Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	41.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
147	0	Phạm Ngọc Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	490.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
148	0	Trần Một	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	550.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
158	0	Phạm Ngọc Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	259.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	2668	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
159	0	Phạm Đức Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	802	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
160	0	Nguyễn Phúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	326.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định							Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã		
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
182	0	Nguyễn Hữu Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	624.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
191	0	Đỗ Quang Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	634.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
192	0	Huỳnh Ván	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	635.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
204	0	Bùi Văn Dưỡng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	500.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
219	0	Hồ Thị Liễu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1325	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
220	0	Nguyễn Hồ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	582.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
232	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	831.3	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
233	0	Lâm Viết Tiến Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	131.6	HNK	CGT	CNV	TSQ		2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
234	0	Bùi Văn Chín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	479.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
245	0	Huỳnh Sơ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	311.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
246	0	Nguyễn Thị Dệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	477.1	LUC	CGT	CNV	TSQ		2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
247	0	Phạm Ngọc Tâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	707.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
248	0	Trần Ngọc Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	219	LUC	CGT	CNV	TSQ		2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
272	0	Ngô Văn Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	54.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
273	0	Võ Duy Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1024.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
274	0	Tiêu Thị Ánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	216.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
293	0	Nguyễn Ngọc Đường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	970.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
294	0	Nguyễn Thị Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	697.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
295	0	Lê Văn Trung Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	56.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
312	0	Trần Ngọc Cuộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	651.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
313	0	Đào Thị Xuân Vân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	752.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
327	0	Mai Nhuận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	598.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
328	0	Nguyễn Thị Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	747.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
329	0	Nguyễn Hữu Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	40.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
338	0	Nguyễn Thị Tàu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	116.5	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
345	0	Nguyễn Hữu Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	793.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
358	0	Nguyễn Hữu Bá	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	221.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
359	0	Nguyễn Thị Đặng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	657.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
360	0	Võ Duy Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1050.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
361	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1143.5	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
363	0	Võ Duy Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	130.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
364	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	0.5	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
390	0	Bùi Thị Nhón	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	623.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
391	0	Nguyễn Trung Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	696.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
392	0	Tiêu Thị Ánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	798.9	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
393	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	46.4	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
405	0	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	525.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
406	0	Võ Duy Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	355.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
420	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	217.6	HNK	CGT	TCQ	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
425	0	Phan Văn Vỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1922.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
426	0	Đào Khắc Thế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	440.2	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
447	0	Bùi Thị Quỳnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1009.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
448	0	Võ Duy Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	468.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
464	0	Nguyễn Thị Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	904.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
465	0	Nguyễn Kim Tâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1576.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
481	0	Lê Văn Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	311.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	2154	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
482	0	Trần Mười	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1470.8	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
483	0	Trần Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	348.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
505	0	Tiêu Thị Ánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	490.1	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
507	0	Võ Duy Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	99.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
508	0	Nguyễn Trung Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	5.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
526	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	73.7	LUC	CGT	TCQ	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
527	0	Trần Văn Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	398	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
528	0	Nguyễn Thị Đào	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	239	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
529	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	117	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
547	0	Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	26.3	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
551	0	Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1092.8	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
552	0	Ngô Văn Sự	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1877.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
571	0	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	744.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	877	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
572	0	Ngô Văn Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	115.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
643	0	Nguyễn Thị Kiều Oanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	450.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
644	0	Đào Khắc Tư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	166	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
645	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	0.6	HNK	CGT	TCQ	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
648	0	Huỳnh Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	84.3	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
672	0	Nguyễn Quý Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	361.2	LUC	CGT	CNV	TSQ		1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
681	0	Trần Thị Hồng Sương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	325.5	ONT	CGT	CNV	TSQ		877	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
697	0	Nguyễn Nghị	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1853	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ		2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
698	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	195.7	HNK	CGT	TCQ	TSQ		2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
704	0	Đào Khắc Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	175.1	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ		2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
705	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	867	HNK	CGT	TCQ	TSQ		2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
706	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	686.1	HNK	CGT	TCQ	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
707	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	136.6	HNK	CGT	TCQ	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
717	0	Huỳnh Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	892.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
728	0	Trần Thị Hoa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	705.8	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
736	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	0.3	NTD	CGT	TCQ	TSQ	1496	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
741	0	Nguyễn Thiên Trường Nguyễn Thị Nở	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1698.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
742	0	Nguyễn Văn Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1718.9	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
758	0	Phan Hữu Lộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.8	ONT	CGT	CNV	TSQ	1137	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
759	0	Nguyễn Thiên Trường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	1137	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
772	0	Phan Hữu Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	31.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	1137	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
773	0	Nguyễn Hữu Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	45.7	ONT	CGT	CNV	TSQ	1137	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
774	0	Nguyễn Hữu Long	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	59.7	ONT	CGT	CNV	TSQ	1137	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
775	0	Nguyễn Hữu Viện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	73.7	ONT	CGT	CNV	TSQ	1137	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
776	0	Nguyễn Hữu Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	88	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
777	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	148.8	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
784	0	Phạm Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1589.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
785	0	Phạm Ngọc Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	308.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
786	0	Đào Khắc Thế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1000.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
792	0	Tôn Thị Mỹ Huệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	90.7	ONT+CLN	CGT	CNV	TSQ	876	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
793	0	Nguyễn Thị Thanh Vân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	550.2	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
794	0	Trần Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	566.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
799	0	Nguyễn Thị Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	238.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
805	0	Phạm Ngọc Tân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	363.5	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
821	0	Trần Trung Tàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1286.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
852	0	Nguyễn Hữu Lý	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	427.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
862	0	Trần Trung Vũ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	475.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
863	0	Trần Ngọc Cách	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	466.1	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
865	0	Nguyễn Quý Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1284.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
909	0	Nguyễn Ngọc Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	147.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
910	0	Nguyễn Bá Trữ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	199.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
912	0	Lê Thị Cẩm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	358.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	1826	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
926	0	Nguyễn Trung Bộ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	192	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
927	0	Phạm Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	192	ONT	CGT	CNV	TSQ	3840	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
934	0	Nguyễn Ngọc Đường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	876.3	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
935	0	Phạm Ngọc Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	556	ONT	CGT	CNV	TSQ	3216	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
944	0	Lâm Viết Tiến Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	34	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
950	0	Phan Văn Nhon	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	615.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
968	0	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1193.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
976	0	Trần Quốc Nhất	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	475	ONT	CGT	CNV	TSQ	3216	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
979	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	75	HNK	CGT	TCQ	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
980	0	Nguyễn Thị Hậu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	183.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
981	0	Nguyễn Thị Hậu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	142.9	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
982	0	Nguyễn Thị Hậu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	24.7	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
983	0	Phan Văn Nhon	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	532.3	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
984	0	Phan Văn Nhon	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	531	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
986	0	Võ Thị Rô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	777.6	ONT+HNK	CGT	CNV	TSQ	2147	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
1029	0	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	302.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
1030	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	408.3	HNK	CGT	TCQ	TSQ	2167	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
743	0	Lâm Viết Tiến Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	519.8	ONT	CGT	CNV	TSQ	3216	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
914	0	Đào Khắc Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	192.4	ONT	CGT	CNV	TSQ	3216	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
778	0	Đào Khắc Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	469.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	3216	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	669.7	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	280.2	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	9.7	DGT	CGT	TCQ	TSQ	2165	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1062.2	DGT	CGT	TCQ	TSQ	1821	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4.4	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	26.2	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1411	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1958	DTL	CGT	TCQ	TSQ	2166	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
18.1	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1909.6	SON	CGT	TCQ	TSQ	3198	245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
516	62;1363;3	Nguyễn Thị Ái	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	542.6	HNK	DGT	CNV	TCQ	1179	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
452	99;1311;1	Huỳnh Văn Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	688.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1575	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
512	96;1328;1	Huỳnh Văn Long	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	968.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	1575	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
393	1283;1284	Phạm Diên Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	777.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	1571	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
374	57;1268;1	Trần Thanh Ba	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1319.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	1571	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
427	1340;1341	Võ Hữu Bá	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	313.8	LUC	DGT	CNV	TCQ	1571	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
406	96;1327;11	Nguyễn Thị Bồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	927.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	1456	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
513	27;1328;11	Nguyễn Thị Bồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	791	LUC	DGT	CNV	TCQ	1456	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
431	29;1330;11	Nguyễn Bường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	887.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	1456	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
559	96;1345;13	Nguyễn Thành Chí	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	855.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1456	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
434	1291;1293	Võ Văn Chín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	457.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1456	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
426	1296;1327	Phạm Đăng Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	960.5	LUC	DGT	CNV	TCQ	1541	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
459	96;1347;11	Lê Thị Chưa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	811.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	1541	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
478	1332;1333	Phạm Minh Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	455.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	1541	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
328	1296	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	273.5	HNK	DGT	CNV	TCQ	1179	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
376	1296;1283	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	599.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1541	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
561	1369;1370	Trần Văn Thúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	889.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1541	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
604	1296	Trần Thị Kim Cúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	194.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1541	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
373	71;1264;11	Phan Danh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	430	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định
533	96;1327;11	Lê Thị Dậu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	424.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã	
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
581	70;1296;1311	Nguyễn Thị Diễm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	740.8	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
453	1311;1312	Trần Thị Diễm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	972.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
391	57;1268;1312	Trần Đoan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1072.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
479	1348;1350	Trần Văn Thiện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	759.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
477	1336;1337	Nguyễn Đăng Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	559.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
387	71;1296;1337	Võ Thị Kim Quy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	319.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
531	77;1378;1337	Phạm Diên Em	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	469.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
790	1357;1360	Huỳnh Văn Giảng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	483.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
791	96;1364;1360	Huỳnh Văn Giảng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	384.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
455	97;1310;1360	Trần Hai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	559.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
473	1327	Nguyễn Văn Hạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1802.5	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
490	1296;1327	Nguyễn Văn Hạnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	336.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
384	1296	Nguyễn Hội	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	134.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
460	1296	Huỳnh Nguyễn Anh Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	312.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
603	1405;1403	Nguyễn Hữu Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	245.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
517	58;1358;1357	Võ Văn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	409.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
432	1295;1292	Nguyễn Thị Hường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	505.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
582	1400;1401	Trần Đình Huy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	613.3	HNK	DGT	CNV	TCQ	1195	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
433	1291;1292	Nguyễn Thị Kinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	526.5	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
370	1261;1262	Nguyễn Thị Lan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	532.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
480	1296	Phạm Lệnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	169.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
395	1296	Bùi Thị Liên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	349.2	HNK	DGT	CNV	TCQ	1196	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
515	1241;1242	Trần Thị Lộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	218	LUC	DGT	CNV	TCQ	1578	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
409	1276;1277	Lê Long	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	469.4	LUC	DTL	CNV	TCQ	1575	1542	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
354	1260	Võ Đình Luận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	661.7	LUC	DTL	CNV	TCQ	1578	1486	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
492	1339;1340	Huỳnh Lưu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	258.6	LUC	DTL	CNV	TCQ	1578	1436	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
472	96;1314;1313	Nguyễn Đình Luyện	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	864.2	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
392	96;1282;1281	Phạm Mùi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	338.2	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
407	96;1273;11	Trần Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	597.2	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
535	65;1366;11	Trần Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	336.3	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
495	58;1359;11	Nguyễn Thị Năm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	400	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
560	1370;1405	Lê Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	583.5	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
510	1323;1326	Nguyễn Nhựt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	670.7	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
575	1382;1383	Nguyễn Nhựt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	385	HNK	DTT	CNV	TSQ	1794	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
554	76;1377;11	Nguyễn Nhựt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	385	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
430	1279;1329	Nguyễn Pháp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	674.7	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
511	1327;1296	Huỳnh Ván	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	485.9	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
474	1327;1296	Trần Đình Phúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	446.9	LUC	DTT	CNV	TSQ	1578	1503	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
508	1322;1324	Huỳnh Văn Phước	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	567.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1451	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
576	1389;1390	Huỳnh Văn Phước	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	462	LUC	ONT	CNV	CNV	1451	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
457	1374;1375	Huỳnh Văn Phước	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	600.8	LUC	ONT	CNV	CNV	1451	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
509	1319;1323	Huỳnh Văn Phước	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	539.4	LUC	ONT	CNV	CNV	1451	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
536	1365;1366	Huỳnh Thông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	369.6	LUC	ONT	CNV	CNV	1451	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
497	1354;1356	Nguyễn Thị Sang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	252.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1451	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
471	13;1315;1316	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	473.6	HNK	ONT	CNV	CNV	1794	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
404	1308;1300;1313	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	246.2	LUC	ONT	CNV	CNV	1456	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
405	1300;1301;1313	Huỳnh Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	610.8	LUC	ONT	CNV	CNV	1456	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
514	1341;1343;1313	Trần Thị Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	305.5	LUC	ONT	CNV	CNV	1456	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
396	1296	Trần Sơn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	33	HNK	ONT	CNV	CNV	1794	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
413	1296;1288;1212	Võ Hữu Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	370.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1456	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
412	1286;1287;1212	Nguyễn Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	710.8	LUC	ONT	CNV	CNV	1568	1440	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
557	1390;1391;1313	Đinh Quang Thái	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	652.7	LUC	ONT	CNV	CNV	1568	1470	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
799	1351;1355	Huỳnh Văn Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	478.6	LUC	ONT	CNV	CNV	1568	1478	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
454	1306;1307	Trần Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1367.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1568	1465	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
534	1344;1345	Nguyễn Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	467.4	LUC	ONT	CNV	CNV	1568	1465	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
579	1393;1394;1313	Nguyễn Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	139.3	LUC	ONT	CNV	CNV	1568	1465	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
386	1296;1260	Phạm Ngọc Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	816.5	LUC	ONT	CNV	CNV	1569	1489	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
578	06;1393;11	Nguyễn Thị Thông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	160	LUC	ONT	CNV	CNV	1569	1489	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
532	82;1383;11	Huỳnh Thuộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	475.6	HNK	ONT	CNV	CNV	1495	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
556	83;1384;11		xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	857.9	HNK	ONT	CNV	CNV	1495	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
369	12611271	Lê Văn Tiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	678.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1569	1489	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
498	06;1353;11	Võ Tòng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	145.6	LUC	ONT	CNV	CNV	1569	1469	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
366	1260;1296	Phạm Thị Thu Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	381.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1569	1469	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
367	1260;1296	Phạm Thị Thu Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	708.1	LUC	ONT	CNV	CNV	1569	1469	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
371	71;1263;11	Phạm Thị Thu Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	271.3	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1469	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
385	06;1297;11	Trần Đình Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	298.1	HNK	ONT	CNV	CNV	1796	1484	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
394	06;1297;11	Trần Đình Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	150	HNK	ONT	CNV	CNV	1796	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
580	06;1397;13	Lê Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	488.8	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1469	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
583	1372;1403	Nguyễn Hữu Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	617.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1469	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
419	1335;1337	Võ Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1007.5	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1560	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
496	1352;1353	Phạm Quốc Đạt	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	761	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1560	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
493	1338;1339	Nguyễn Thị Thanh Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	285	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1560	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
562	1369;1371	Nguyễn Thị Thanh Xuân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	391	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1560	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
410	1279;1280	Huỳnh Bảy	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	941.7	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1560	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
411	1284;1287	Trần Hữu Thọ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	394.6	LUC	ONT	CNV	CNV	1578	1560	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
375	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	193.4	LUC	ONT	TCQ	CNV	1570	1560	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
338	1296;1260	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	213.1	LUC	ONT	TCQ	CNV	1570	1616	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
340	1296;1260	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	663.4	LUC	ONT	TCQ	CNV	1570	1616	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
356	1296;1261;1262	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	578.4	LUC	ONT	TCQ	CNV	1570	1616	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
357	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	379.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1567	1616	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
368	1260;1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	710.7	LUC	ONT	TCQ	CNV	1567	1616	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
388	1272;1273	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	130.3	LUC	ONT	TCQ	CNV	1567	1616	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
389	1273;1274	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	292	LUC	ONT	TCQ	CNV	1567	1631	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
390	1274;1275;1276	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	233.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1454	1631	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
425	1299;1302	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	788.8	LUC	ONT	TCQ	CNV	1454	1631	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
428	1327;1329	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	608.9	HNK	ONT	TCQ	CNV	1796	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
601	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	10.6	LUC	ONT	TCQ	CNV	1454	1640	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
342	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	13	CLN	ONT	TCQ	CNV	1585	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
339	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	113.6	LUC	ONT	TCQ	CNV	1454	1640	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
352	1296;1206	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	362.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1581	1649	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
358	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	422.2	LUC	ONT	TCQ	CNV	1581	1649	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
456	1296;1327	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	365	LUC	ONT	TCQ	CNV	1581	1631	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
577	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	96.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1581	1631	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
553	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3915.1	BCS	ONT	TCQ	CNV	1587	1487	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
372	1264;1265	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	34.2	BCS	ONT	TCQ	CNV	1587	1585	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
458	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	180.2	DTL	ONT	TCQ	CNV	1460	1594	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
489	15;1316;1317	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	69.5	DGT	ONT	TCQ	CNV	1464	1613	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
555	79;1380;1381	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	119.9	DGT	ONT	TCQ	CNV	1464	1597	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
558	1395;1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	20	DGT	ONT	TCQ	CNV	1464	1568	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
602	1406;1396	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	138.3	BCS	ONT	TCQ	CNV	1587	1550	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
784	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1590.1	DTL	ONT	TCQ	CNV	1460	1538	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
353	1260	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	35.6	BCS	TMD	TCQ	TSQ	1587	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
355	1296;1327	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	367.9	DGT	TMD	TCQ	TSQ	1588	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
400	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	11.9	BCS	TMD	TCQ	TSQ	1587	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
617	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4.5	BCS	TMD	TCQ	TSQ	1587	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
1019	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	73.9	DTL	TMD	TCQ	TSQ	1792	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
1020	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	44.8	DTL	TMD	TCQ	TSQ	1792	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
1021	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	170.7	DTL	TMD	TCQ	TSQ	1792	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
1022	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1774	DGT	TMD	TCQ	TSQ	1588	1375	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Định	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	214.3	DGT	ONT	TCQ	TCQ	2709	2820	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
0	850	Võ Thị Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	79.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	3128	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	20.5	DTL	DGT	TCQ	TCQ	3296	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định						Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã			
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	885.2	DTL	DGT	TCQ	TCQ	3296	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
0	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	624.9	DTL	DGT	TCQ	TCQ	3296	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
544	1165	Nguyễn Được	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	21.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	3128	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
582	1165	Lương Hữu Sinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	48.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	3128	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
607	1165	Nguyễn Văn Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	27.3	HNK	DGT	CNV	TCQ	3124	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
608	1165	Nguyễn Hữu Hiền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	347.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	3128	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
609	1165	Nguyễn Thị Tâm Thương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	250.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	3128	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
610	55;1136;1137	Nguyễn Thị Hương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	649.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	3128	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
611	1137	Nguyễn Hoàng Chi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	512.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	3128	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
612	1165	Nguyễn Thị Lên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	41.5	HNK	DGT	CNV	TCQ	3124	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
632	1165	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	307.6	LUC	DGT	TCQ	TCQ	3126	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
633	55;1226;1236	Lương Hữu Vô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	577.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
634	1165;1236	Phan Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	652	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn
635	1165	Nguyễn Tiến Phùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	35.1	HNK	DGT	CNV	TCQ	3124	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
636	1165	Nguyễn Thị Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	26.2	HNK	DGT	CNV	TCQ	3124	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
654	1165	Võ Lý	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	72.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
655	55;1225;11	Nguyễn Phú Huệ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	515.6	HNK	DGT	CNV	TCQ	3125	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
656	55;1226;11	Huỳnh Tấn Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1237.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
657	55;1227;11	Nguyễn Hoanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	482.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
658	58;1239;11	Nguyễn Tấn Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1543.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
676	1165;1231	Nguyễn Hoanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	181	LUC	DGT	CNV	TCQ	3135	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
677	1229;1230	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	542.4	LUC	DGT	TCQ	TCQ	3126	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
680	1165	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	85.2	NTD	DGT	TCQ	TCQ	3137	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
693	1165	Bạch Hữu Hoành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	187.1	HNK	DGT	CNV	TCQ	3125	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
694	50;1231;11	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1143.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	3135	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
695	1240;1244	Võ Phẩm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	530.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	3135	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
696	1243;1245	Trần Bông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	922	LUC	DGT	CNV	TCQ	3135	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
698	1244;1245;11	Trần Bông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	744.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	3135	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
699	57;1158;1165	Bạch Hữu Sơn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	805.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	3135	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
718	1165	Nguyễn Ngọc Thịnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	49.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	3136	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
719	1165	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	90.5	LUC	DGT	TCQ	TCQ	3293	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
720	1234;1235	Vô Lương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1644.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	3136	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
721	1165;1147	Nguyễn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	566.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	3136	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
722	65;1148;1149	Nguyễn Thị Tuyết	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	238.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	3136	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
723	1150;1149	Lương Hữu Hà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	535.9	HNK	DGT	CNV	TCQ	3125	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
724	54;1153;1154	Nguyễn Tấn Kỳ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	572.3	HNK	DGT	CNV	TCQ	3125	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
725	1157;1158	Lương Hữu Võ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	941.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	3136	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
726	1162;1163	Nguyễn Quý Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	329.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	3136	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
743	1165	Mai Thị Bích Đào	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	15.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
744	1175;1176	Nguyễn Thị Bích Đào	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	564	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
745	1174;1175	Mai Thị Đào	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1033.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
746	1147;1173	Nguyễn Thị Hậu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1580.8	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
747	1165;1171	Võ Thị Thu Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	946	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
748	65;1170;1171	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	209.7	LUC	DGT	TCQ	TCQ	3293	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
750	1168;1167	Lương Hữu Sinh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1057	LUC	DGT	CNV	TCQ	3127	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
751	87;1188;1189	Nguyễn Thị Minh Cảnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1375.6	LUC	DTL	CNV	TCQ	3127	3047	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
752	1189;1190	Huỳnh Văn Viên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	787.6	LUC	DTL	CNV	TCQ	3127	3011	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
768	1165;1179	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	68.2	LUC	DTL	TCQ	TCQ	3130	2916	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
769	1183;1184	Nguyễn Hữu Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1360.4	LUC	DTT	CNV	TSQ	3127	3043	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
784	65;1177;1178	Nguyễn Ngọc Phương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	902.7	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2820	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
785	1165;1203	Mai Thị Tư	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1046.5	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2820	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
786	1203;1204	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	417.2	LUC	ONT	TCQ	CNV	3130	2820	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
787	1204;1165	Nguyễn Hữu Hiền	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1524.4	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2820	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
788	1202	Nguyễn Thị Trâm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1442.6	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2977	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
789	1202;1165	Lưu Hữu Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	805	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2998	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
790	79;1201;1179	Nguyễn Văn Chát	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	773.5	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2813	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
791	07;1208;11	Trần Thị Ngọc Chi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1000.5	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2813	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
792	11;1196;11	Trần Thị Kiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	570	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2813	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
793	01;1195;11	Trần Thị Kiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1091.8	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2813	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
794	02;1193;11	Nguyễn Văn Chát	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	674.3	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2799	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
809	1165	Nguyễn Công	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	309.3	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2799	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
810	1165;1203	Phạm Ngọc Châu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1256.3	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2799	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
811	1165;1213	Võ Thị Thu Dung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	921.7	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2799	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
813	06;1207;11	Nguyễn Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	902.7	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2794	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
834	1165;1213	Bùi Phu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	389.8	HNK	ONT	CNV	CNV	3125	2794	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
836	13;1165;11	Nguyễn Lực	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	963	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2794	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
837	13;1165;11	Võ Phẩm	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1133.3	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2794	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
838	13;1165;11	Nguyễn Văn Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	568	LUC	ONT	CNV	CNV	3127	2945	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
840	1165;1214	Nguyễn Lực	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	214.9	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	2945	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
841	1214	Nguyễn Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	409.3	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	2920	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
842	1214	Nguyễn Văn Chát	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	388.5	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	2920	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
843	1214;1165	Nguyễn Hữu Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	185.2	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	2920	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
844	1214;1165	Nguyễn Lực	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	142.7	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	2920	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
845	1214;1165	Nguyễn Thị Minh Cảnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	115.1	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	2920	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
846	1214;1165	Bạch Hữu Hoành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	232.2	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	3012	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
847	1214;1165	Nguyễn Thị Hường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	187.3	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	3000	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
848	1214;1165	Trần Thị Kiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	233.1	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	3053	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
849	1214	Nguyễn Thị Hường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	363.5	LUC	ONT	CNV	CNV	3136	2989	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
851	1214	Võ Thị Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	262.3	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
867	1213	Phạm Cống	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	138.5	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
868	1213	Phạm Cống	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	995.7	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
869	1213	Phạm Cống	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	176.1	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
871	1214	Trần Ngọc Phát	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	127.3	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
872	1214	Nguyễn Thị Minh Cảnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	321.4	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1054	1214	Nguyễn Thị Lên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.7	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
1055	1214	Huỳnh Văn Viên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	142.9	LUC	TMD	CNV	TSQ	3136	3020	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Tái định cư An Sơn	
11.1	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	374.2	DTL	DGT	TCQ	TCQ	1460	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.2	1198	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	145.4	DTL	DGT	TCQ	TCQ	1460	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.3	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	159.8	DTL	DGT	TCQ	TCQ	1460	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.5	1094	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	609.1	DTL	DGT	TCQ	TCQ	1103	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
132	1094;1136;1137	Nguyễn Điều	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	64.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
133	1137;1138	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.3	DGT	ONT	TCQ	TCQ	1095	1039	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
134	1092;1093	Trần Văn Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	26.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
151	1202	Nguyễn Đức Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	167.7	HNK	DGT	CNV	TCQ	1582	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
152	202;925;965	Nguyễn Đức Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	495	HNK	DGT	CNV	TCQ	1582	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
153	1202;965	Phạm Diên Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	96.6	HNK	DGT	CNV	TCQ	1582	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
166	2;926;927	Nguyễn Đức Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	256	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
167	1;927;965	Nguyễn Đức Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	376	HNK	DGT	CNV	TCQ	1582	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
168	2;965;966	Phạm Diên Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	508.4	HNK	DGT	CNV	TCQ	1582	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
169	202;935;94	Lê Thị Cúc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	276.5	HNK	DGT	CNV	TCQ	1441	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
170	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	510	BCS	DGT	TCQ	TCQ	1195	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
171	1202;935	Phạm Chín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	222.8	HNK	DGT	CNV	TCQ	1441	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
172	938;939;94	Nguyễn Văn Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1542.3	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
173	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	166.3	DGT	ONT	TCQ	TCQ	1095	1039	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
175	1202;1199	Võ Văn Trọng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	94.4	LUC	DGT	CNV	TCQ	1457	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
183	2;928;929	Phạm Diên Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	752.7	CLN	DGT	CNV	TCQ	1199	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
184	202;945;94	Trần Văn Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	532.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	1457	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
185	6;947;948	Nguyễn Văn Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	867.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	1457	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
187	1199	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	235.2	LUC	DGT	TCQ	TCQ	1440	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
198	29;930;93	Trần Anh Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	458.4	HNK	DGT	CNV	TCQ	1441	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
199	5;967;968	Phạm Chương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1292.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1448	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
200	1202;972	Trần Sơn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	595.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	1448	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
201	1202;1199	Phạm Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	281.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1440	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
213	1202	Võ Văn Quận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	226.8	HNK	DGT	CNV	TCQ	1441	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
214	202;931;971	Võ Văn Quận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	473	HNK	DGT	CNV	TCQ	1441	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
215	2;970;971	Huỳnh Tín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1651.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1440	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
216	1202;972	Lê Chí	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1191.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
217	1202;972	Trần Thị Diễn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1149.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
223	1202;	Võ Văn Quận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	110.3	HNK	DGT	CNV	TCQ	1441	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
224	202;932;971	Nguyễn Tung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	417.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
225	8;964;1150	Trần Văn Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1005.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	1185	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
236	1198	Võ Văn Quận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	317.2	HNK	DGT	CNV	TCQ	1190	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
237	1159;1161	Trần Sơn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	542.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	1105	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
238	02;1158;1159	Huỳnh Giáp	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	981.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1105	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
239	1155;1156	Phạm Hồ Châu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1634.5	LUC	DGT	CNV	TCQ	1105	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
240	8;964;1150	Nguyễn Thị Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1315.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	1105	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
241	1195	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	14	BCS	DGT	TCQ	TCQ	1199	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
247	1202;1161	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	28.4	BCS	DGT	TCQ	TCQ	1178	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
248	1161;1162	Nguyễn Tung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	51	LUC	DGT	CNV	TCQ	1098	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
264	1152;1153	Phạm Chính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	25.1	LUC	DGT	CNV	TCQ	1098	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
265	50;1151;1152	Nguyễn Thị Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	24.6	LUC	DGT	CNV	TCQ	1098	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
329	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	588.5	DGT	ONT	TCQ	TCQ	1095	1039	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
788	202;943;944	Nguyễn Văn Nghĩa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	231.9	LUC	DGT	CNV	TCQ	1098	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
174	1202;944	Lê Ngọc Thạch	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	434.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1189	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
186	202;951;94	Phan Cường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1072.7	LUC	DGT	CNV	TCQ	1189	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
0	1199	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	92.7	BCS	DGT	TCQ	TCQ	1178	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.1	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	62.8	DTL	DGT	TCQ	TCQ	1103	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.2	1198	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1064.7	DTL	DGT	TCQ	TCQ	1103	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.3	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	12.4	DTL	DGT	TCQ	TCQ	1103	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.5	1195	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	85.9	DGT	ONT	TCQ	TCQ	1095	1039	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.6	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	313.3	DGT	ONT	TCQ	TCQ	1095	1039	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
11.7	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	726.6	DGT	ONT	TCQ	TCQ	1095	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
11.8	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	725.4	DGT	ONT	TCQ	TCQ	1095	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
3	1202;1201	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	240.7	HNK	DGT	TCQ	TCQ	1190	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
4	93;1202;10	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	394.8	LUC	DGT	TCQ	TCQ	1440	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
15	93;1094;10	Nguyễn Thị Châu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	412.2	LUC	DGT	CNV	TCQ	1189	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
16	93;1094;10	Phạm Diên Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	721.9	HNK	DGT	CNV	TCQ	1190	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
28	81;1082;12	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1012.4	LUC	DKV	TCQ	TSQ	1440	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
29	1081;1082	Trần Thị Minh Khanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	655.3	LUC	DKV	CNV	TSQ	1189	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
30	1088;1089;1090	Trần Cừ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	438.9	LUC	DKV	CNV	TSQ	1189	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
31	1092;1093;1094	Huỳnh Tấn An	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	449.2	HNK	DKV	CNV	TSQ	1106	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
32	1093;1094	Phạm Diên Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	427.8	HNK	DKV	CNV	TSQ	1106	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
42	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	225.8	DGT	DKV	TCQ	TSQ	1095	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
43	1085;1086	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	608.4	LUC	DKV	TCQ	TSQ	1440	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
44	1088;1089	Trần Anh Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	532.4	LUC	DKV	CNV	TSQ	1105	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
45	1091;1202	Phạm Viết Tình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	443.8	HNK	DKV	CNV	TSQ	1106	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
56	1202;1201	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	680.9	LUC	DKV	TCQ	TSQ	1440	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
57	102;1102;1101	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	602	LUC	DKV	TCQ	TSQ	1188	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
58	100;1101;1102	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1064.5	LUC	DKV	TCQ	TSQ	1188	889	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
59	1096;1097	Nguyễn Văn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	789.2	LUC	ONT	CNV	CNV	1105	1181	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
60	1093;1094;1101	Trần Văn Hoà	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	501.4	HNK	ONT	CNV	CNV	1190	1181	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
61	1092;1093;1101	Lê Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	449.3	HNK	ONT	CNV	CNV	1190	1181	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
63	1094	Hồ Thị Lan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	21.3	HNK	ONT	CNV	CNV	1190	1215	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
69	99;1107;1110	Phạm Ngọc Thành	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	746.8	LUC	ONT	CNV	CNV	1105	1215	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
70	1099;1107	Trịnh Minh Thế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	679.2	HNK	ONT	CNV	CNV	1193	1215	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
71	1093;1094	Thị Văn Chung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	694.6	LUC	ONT	CNV	CNV	1105	1215	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
72	1093;1094	Nguyễn Đức Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	522	LUC	DGT	CNV	CNV	1105	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
82	1201;1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	310.3	BCS	DGT	TCQ	CNV	1178	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
83	1206;1111;1112	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	752	LUC	DGT	TCQ	CNV	1188	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
84	06;1111;11	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	286.2	LUC	DGT	TCQ	CNV	1188	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
85	1093;1094	Trần Nam	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	685.8	LUC	DGT	CNV	CNV	1105	15	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
100	1201	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	252.8	HNK	ONT	TCQ	CNV	1193	1215	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
101	1201;1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	341.2	HNK	ONT	TCQ	CNV	1193	1246	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
102	19;1120;11	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	775.1	LUC	ONT	TCQ	CNV	1188	1246	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
103	1118;1123	Phạm Thị Khương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	560.7	LUC	ONT	CNV	CNV	1105	1246	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
104	17;1118;11	Lê Công Ngọc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	620.1	LUC	ONT	CNV	CNV	1108	1246	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
105	16;1117;11	Trần Văn Đông	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	599.1	LUC	ONT	CNV	CNV	1108	1246	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
106	2;1116;10	Trần Đức Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	562.6	LUC	ONT	CNV	CNV	1108	972	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
107	94;1095;11	Trần Đức Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	629.6	LUC	ONT	CNV	CNV	1108	972	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
108	93;1094;10	Nguyễn Thị Thân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	733.9	LUC	ONT	CNV	CNV	1108	972	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
118	1129;1130	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	729.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1188	972	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
119	92;1126;11	Võ Tòng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	714.5	LUC	ONT	CNV	CNV	1108	969	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
120	92;1093;10	Trần Văn Mẫn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	701.4	LUC	ONT	CNV	CNV	1108	969	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
121	1094	Nguyễn Thị Hồng Vân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	22.8	ONT+HNK	ONT	CNV	CNV	1113	969	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
126	1202;1201	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	173.8	HNK	ONT	TCQ	CNV	1196	969	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
127	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	92.4	HNK	ONT	TCQ	CNV	1192	969	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
128	1132;1142	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	909.8	LUC	ONT	TCQ	CNV	1188	892	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
129	1143;1144	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	445.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1188	892	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
130	1132;1133;1134	Nguyễn Văn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	731.5	LUC	ONT	CNV	CNV	1093	892	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
131	1134;1140;1141	Nguyễn Thị Thu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	671.2	LUC	ONT	CNV	CNV	1093	892	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
132	1138;1139	Nguyễn Điều	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	925.2	LUC	ONT	CNV	CNV	1093	892	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
133	1132;1133;1134	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	16.6	DGT	ONT	TCQ	CNV	1095	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
134	1132;1093;1100	Trần Văn Tấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	599.4	LUC	ONT	CNV	CNV	1093	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
236	1201;1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	65.1	HNK	ONT	TCQ	CNV	1192	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
237	1150;1159;1160	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	141.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1188	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
238	1132;1158;1159	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	238.7	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
239	1155;1156	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	111.6	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định							Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã		
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
241	1195	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	27.1	BCS	ONT	TCQ	CNV	1178	1182	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành
247	1202;1161	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	15.5	BCS	ONT	TCQ	CNV	1178	1182	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành
248	1161	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	131.8	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	917	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành
256	1201;1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	493.1	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	917	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành
257	1164;1174	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	28.9	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	917	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành
258	1162;1164;1174	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	307.6	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	917	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành
259	1161;1162;1174	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	132.4	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	917	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
261					LUC	ONT	CNV	CNV	1093	917	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
262					LUC	ONT	TCQ	CNV	1442	917	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
263					LUC	ONT	CNV	CNV	1093	947	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
264					LUC	ONT	CNV	CNV	1093	949	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
265					LUC	ONT	CNV	CNV	919	950	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
266					LUC	ONT	TCQ	CNV	1442	950	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
275					LUC	ONT	TCQ	CNV	1442	950	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động				Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
276	56;1172;1	Huỳnh Thuộc	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1220.6	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1082	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
277	57;1171;1	Lê Thị Tịnh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	855.9	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1082	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
278	1701;117	Phạm Ngọc Thức	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	980.1	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1082	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
279	1170;1168	Đinh Văn Phận	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	913	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1082	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
280	1202;1168	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	34.8	DGT	ONT	TCQ	CNV	1095	1041	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
287	1174;1175	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	913.7	LUC	ONT	TCQ	CNV	1442	1077	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
288	76;1177;1	Trịnh Minh Thế	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	806.5	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1077	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
289	02;1179;1	Phan Danh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	358	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1077	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
290	1195;1202	Nguyễn Thị Nhi	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	564.3	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1077	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
297	1202;1198	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	198.8	LUC	ONT	TCQ	CNV	1442	1077	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
298	1202;1185	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	300.2	LUC	ONT	TCQ	CNV	1442	1077	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
299	1202;1185	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	185.7	LUC	ONT	TCQ	CNV	1442	1246	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
300	83;1184;1	Phạm Chín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	671.5	HNK	ONT	CNV	CNV	1091	1245	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
301	1182;1188	Trần Sơn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	803	LUC	ONT	CNV	CNV	919	1292	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
302		UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	730.7	LUC	ONT	TCQ	CNV	1455	1316	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
303		Trần Đình Trung	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	826.4	LUC	DVH	CNV	TSQ	1108	1213	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
310		UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	156.1	BCS	DVH	TCQ	TSQ	1178	1213	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
311		UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	164.7	LUC	DVH	TCQ	TSQ	1455	1213	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
312		UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	33	LUC	DVH	TCQ	TSQ	1455	1213	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
313		UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	132.9	LUC	DTL	TCQ	TCQ	1455	967	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
314		UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	127.9	LUC	DTL	TCQ	TCQ	1455	967	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
315			xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	631.9	LUC	DTL	CNV	TCQ	1108	967	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
316			xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	538.6	LUC	DTL	TCQ	TCQ	1455	993	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
317			xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1211.9	LUC	DTL	CNV	TCQ	1108	993	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
318			xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	107.6	LUC	DTL	TCQ	TCQ	1438	993	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
329			xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1118.4	DGT	DTL	TCQ	TCQ	1095	964	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
330			xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	532.4	LUC	DTL	TCQ	TCQ	1438	964	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
331			xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	312.8	LUC	DTL	TCQ	TCQ	1438	964	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
					Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
332	1202;1193	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	414.7	LUC	DTL	TCQ	TCQ	1438	964	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
333	1202;1195	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	183.3	LUC	DRA	TCQ	TSQ	1438	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
341	1202;1195	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	301.5	LUC	DRA	TCQ	TSQ	1438	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
342	1296;1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	350.9	CLN	DRA	TCQ	TSQ	1199	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
359	1296;1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	305.9	CLN	DRA	TCQ	TSQ	1199	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
400	1296	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	74.9	BCS	DRA	TCQ	TSQ	1199	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
784	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1557.6	DTL	DRA	TCQ	TSQ	1103	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)		(12)
872	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	29.2	BCS	DRA	TCQ	TSQ	1199	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
873	1202	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	122.5	CLN	DRA	TCQ	TSQ	1199	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
532	1094	Trần Văn Tùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	44.4	HNK	DRA	CNV	TSQ	1091	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
533	1094	Phạm Diên Anh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	23.2	ONT+HNK	DRA	CNV	TSQ	1113	1111	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình di dân tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư và tạo HLATMT khu liên hợp chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	
2	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	23.5	CLN	CGT	TCQ	TSQ	39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
4	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1303.7	CLN	CGT	TCQ	TSQ	39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
6	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	63.8	CLN	CGT	TCQ	TSQ	39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
8	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1161.6	CLN	CGT	TCQ	TSQ	39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
6	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	511.6	HNK	CGT	TCQ	TSQ	39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
7	0	Nguyễn Văn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	110.5	HNK	CGT	CNV	TSQ	77	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
10	0	Trần Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	502.4	HNK	CGT	CNV	TSQ	77	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
11	0	Trần Văn Phước	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	506	HNK	CGT	CNV	TSQ	77	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
17	0	Trần Đức Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	554.2	HNK	CGT	CNV	TSQ	77	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
24	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.6	HNK	CGT	TCQ	TSQ	39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
25	0	Nguyễn Văn Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	250.6	HNK	CGT	CNV	TSQ	77	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
33	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	89.4	HNK	CGT	TCQ	TSQ	39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
34	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	133.4	LUC	CGT	TCQ	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
35	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	57.7	HNK	CGT	TCQ	TSQ		39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
45	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	255.7	LUC	CGT	TCQ	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
46	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	414.3	LUC	CGT	TCQ	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
47	0	Trần Hai	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	199.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
48	0	Trần Mười	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	225	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
49	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.3	DGT	CGT	TCQ	TSQ		246	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
57	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	252.4	LUC	CGT	TCQ	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
66	0	Trần Đức Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	31.3	HNK	CGT	CNV	TSQ		77	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
71	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.4	DGT	CGT	TCQ	TSQ		246	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
72	0	Bùi Thị Liên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	250.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
73	0	Trần Tạo	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	494.4	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
74	0	Trần Mười	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	23.6	HNK	CGT	CNV	TSQ		67	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
86	0	Trần Tài	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	633.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
90	0	Trần Hào	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	95.3	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
98	0	Trần Đức Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	633.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
99	0	Nguyễn Hữu Tính	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	793.5	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
100	0	Nguyễn Văn Hùng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	362.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		241	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
105	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	6.7	LUC	CGT	TCQ	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
106	0	Trần Thị Liên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	950	LUC	CGT	CNV	TSQ		241	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
107	0	Trần Thị Mỹ	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	13.3	LUC	CGT	CNV	TSQ		241	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
116	0	Nguyễn Thị Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	176.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		241	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
117	0	Trần Đức Quang	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	943.4	LUC	CGT	CNV	TSQ		241	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
126	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	350.2	LUC	CGT	TCQ	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
127	0	Trần Thị Nương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	604	LUC	CGT	CNV	TSQ		243	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
140	0	Trần Văn Hiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	97.8	LUC	CGT	CNV	TSQ		243	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
141	0	Trần Thị Nương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	593	LUC	CGT	CNV	TSQ		243	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
149	0	Trần Văn Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	17.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
150	0	Trần Đoan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	420.9	LUC	CGT	CNV	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
161	0	Trần Đức Ân	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.8	LUC	CGT	CNV	TSQ		70	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
162	0	Trần Văn Dương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	291.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		66	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
199	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1096	CLN	CGT	TCQ	TSQ		39	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
200	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	544.8	DGT	CGT	TCQ	TSQ		246	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
208	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	2.7	DTL	CGT	TCQ	TSQ		51	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
209	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1110.6	DTL	CGT	TCQ	TSQ		51	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
2	0	Trần Văn Rô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	137.6	LUC	CGT	CNV	TSQ	66	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
3	0	Trần Thị Kim Oanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	139.7	LUC	CGT	CNV	TSQ	66	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
4	0	Nguyễn Hữu Cầu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	191.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	66	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
6	0	Đặng Thị Thanh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	108.9	LUC	CGT	CNV	TSQ	76	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
10	0	Trần Văn Rô	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	146.4	LUC	CGT	CNV	TSQ	76	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
11	0	Nguyễn Thị Loan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	495.4	LUC	CGT	CNV	TSQ		76	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
12	0	Nguyễn Thị Loan	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	149.2	LUC	CGT	CNV	TSQ		76	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
18	0	Trần Văn Hoàng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	196	LUC	CGT	CNV	TSQ		66	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
19	0	Trần Tựu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	309.1	LUC	CGT	CNV	TSQ		66	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
20	0	Nguyễn Thị Sáu	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	314	LUC	CGT	CNV	TSQ		66	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
26	0	Trần Thị Hồng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	116.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
28	0	Nguyễn Văn Hường	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	16.2	HNK	CGT	CNV	TSQ		67	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
33	0	Nguyễn Định	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	476.6	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
36	0	Trần Thanh Bình	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	49.9	HNK	CGT	CNV	TSQ		67	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
37	0	Nguyễn Định	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	217.2	HNK	CGT	CNV	TSQ		67	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng			Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)
38	0	Trần Văn Dương	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	341.8	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
47	0	Trần Văn Hòa	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7.4	LUC	CGT	CNV	TSQ		216	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
48	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	69.4	DTL	CGT	TCQ	TSQ		51	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
49	0	Trần Văn Luật	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	204.5	HNK	CGT	CNV	TSQ		67	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)
682	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	1.2	DTL	CGT	TCQ	TSQ		51	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
683	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	98.8	DTL	CGT	TCQ	TSQ	58	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
684	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	51.3	DTL	CGT	TCQ	TSQ	58	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
685	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	365	DGT	CGT	TCQ	TSQ	246	21	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ(Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
1121	0	Đội Thuế Xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	3.3	TSC	CGT	TSN	TSQ	3745	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
1122	0	Hợp Tác Xã Nông Nghiệp Hành Dũng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4.3	TMD	CGT	TSN	TSQ	3746	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
1253	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	73	DGT	CGT	TCQ	TSQ	3741	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định										Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi	
Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
64	0	Nguyễn Văn Ánh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	8.9	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
65	0	Lê Văn Thiên	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	4.1	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
79	0	Nguyễn Ngọc Tuấn	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	15	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
80	0	Nguyễn Ngọc Thắng	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	112.5	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
81	0	Trần Văn Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	72	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
94	0	Trần Văn Minh	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	128.3	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	
95	0	Trần Kín	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	7	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)	

Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/Văn phòng Đăng ký đất đai xác định													Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
Số hiệu thửa đất			Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động (m2)	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi			
						Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)				
105	0	Nguyễn Thị Vui	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	23,8	ONT	CGT	CNV	TSQ	3742	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)				
106	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	641,4	DGT	CGT	TCQ	TSQ	3741	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)				
107	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	279,5	SON	CGT	TCQ	TSQ	3753	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)				
209	0	UBND xã	xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi	353,5	SON	CGT	TCQ	TSQ	4189	3626	Thay đổi mã loại đất và mã đối tượng do thực hiện công trình Cầu Hành Nhân-Hành Dũng (Đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích)				

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

(Signature)

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

TM. Ủy ban nhân dân xã Phước Giang

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Long

Trần Văn Thiện